

Số: /CTK-TH

Lâm Đồng, ngày tháng 8 năm 2024

## TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LÂM ĐỒNG ƯỚC THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG NĂM 2024

Trong 8 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh Lâm Đồng tập trung quán triệt, triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp thực hiện nghị quyết, chỉ thị, của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2024 đạt một số những kết quả chủ yếu như: Sản xuất nông nghiệp ổn định; ngành công nghiệp tháng 8/2024 tăng khá, tuy nhiên lũy kế 8 tháng đầu năm 2024 tăng vẫn còn thấp; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 8/2024 và lũy kế 8 tháng đầu năm 2024 có tăng khá so với cùng kỳ; chỉ số giá tiêu dùng tháng 8 ổn định, bình quân 8 tháng đầu năm 2024 tăng so với cùng kỳ; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định.

### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong những tháng đầu năm 2024, hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định thị trường tiêu thụ đảm bảo nguồn cung ứng các mặt hàng thiết yếu phục vụ sinh hoạt người dân; chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp theo đúng kế hoạch, thời vụ. Đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thu hoạch vụ Hè Thu; gieo trồng vụ Mùa; chăm sóc, thu hoạch cây công nghiệp dài ngày; đảm bảo điều kiện cho đàn vật nuôi phát triển tốt; tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm nông lâm sản và thủy sản; công tác quản lý bảo vệ phát triển rừng, trồng cây xanh và đảm bảo an toàn hồ đập công trình thủy lợi trong mùa mưa lũ, ... Kết quả đạt được trong từng lĩnh vực như sau:

#### 1.1. Tình hình sản xuất nông nghiệp

##### \*Gieo trồng cây hàng năm vụ Hè Thu năm 2024:

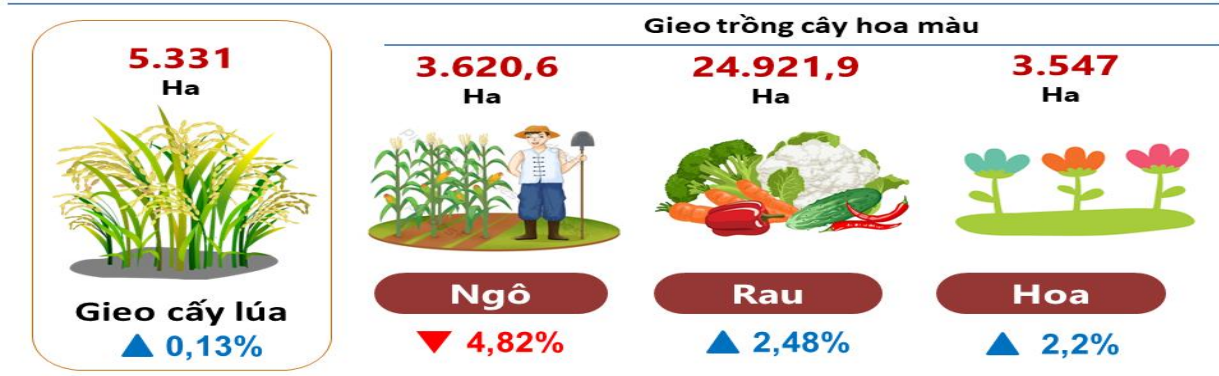
Tính từ đầu vụ đến ngày 10/8/2024 toàn tỉnh gieo trồng, xuống giống được 45.518,5 ha cây hàng năm các loại, tăng 1,19 (+536 ha) so với cùng kỳ, cụ thể:

Cây lúa gieo cấy 5.331 ha, tăng 0,13% (+7 ha) so với cùng kỳ, diện tích gieo cấy chủ yếu ở 3 huyện phía Nam (Cát Tiên 3.578 ha, chiếm 67,12%,

giảm 31 ha; *Đạ Tẻh* 1.722 ha, chiếm 32,2%, tăng 51 ha; *Đạ Huoai* 31 ha, chiếm 0,58%, giảm 13,5 ha so với cùng kỳ).

*Kết quả sản xuất hoa màu và một số cây hàng năm khác:* Cây ngô gieo trồng 3.620,6 ha, giảm 4,82% (-183 ha) so với cùng kỳ, cây ngô được xác định là cây trồng chính trong vụ, do vậy bà con nông dân tranh thủ gieo trồng, tận dụng diện tích thu hoạch vụ Đông Xuân có nước tưới để gieo trồng. Diện tích rau các loại gieo trồng 24.921,9 ha, tăng 2,48% (+603 ha) so với cùng kỳ, tập trung chủ yếu ở vùng chuyên canh rau như: Đức Trọng 10.917 ha, Đơn Dương 8.341 ha, Lạc Dương 1.941 ha, Đà Lạt 1.350 ha, Lâm Hà 1.030 ha. Diện tích hoa các loại gieo trồng 3.547 ha, tăng 2,2% (+76 ha) so với cùng kỳ (thành phố Đà Lạt 2.316 ha, chiếm 65,3%; Lạc Dương 553 ha, chiếm 15,6%, tăng 38 ha; Đơn Dương 201 ha, chiếm 5,7 ha, tăng 17,6 ha; Đức Trọng 224,8 ha, chiếm 6,3%, tăng 11,7 ha; Lâm Hà 142 ha, chiếm 4%, tăng 11 ha). Cây hàng năm khác như: khoai lang gieo trồng 1.135,4 ha, giảm 5,18% (-62 ha); đậu các loại gieo trồng 636,8 ha, tăng 3,07% (+19 ha) so với cùng kỳ.

### SẢN XUẤT VỤ HÈ THU (Tiến độ đến ngày 10/8/2024)



### \*Thu hoạch cây hàng năm vụ Hè Thu năm 2024

Tính đến ngày 10/8/2024 toàn tỉnh thu hoạch được 24.958 ha cây hàng năm các loại, đạt 54,8% so với tiến độ diện tích gieo trồng, tăng 2,6% (+632 ha) so với cùng kỳ. Trong đó: lúa thu hoạch 2.850 ha, đạt 53,46% diện tích gieo trồng, tăng 4,86% (+132 ha); năng suất bình quân ước đạt 54,11 tạ/ha, tăng 0,59%; sản lượng ước đạt 15.421,4 tấn, tăng 5,48% so với cùng kỳ. Ngô thu hoạch 1.785 ha, đạt 49,3% diện tích gieo trồng, giảm 4,85% (-91 ha); ước năng suất đạt 51,46 tạ/ha, tăng 0,12% (+0,06 tạ/ha); sản lượng ước đạt 9.185,6 tấn, giảm 4,74% so với cùng kỳ. Rau các loại thu hoạch 15.029 ha, đạt 60,3% diện tích gieo trồng, tăng 2,8% (+409 ha) so với cùng kỳ; năng suất bình quân chung ước đạt 358,53 tạ/ha, giảm 0,19% (-0,7 tạ/ha); sản lượng ước đạt 538.834,7 tấn, tăng 2,6% (+13.640,5 tấn). Hoa các loại thu hoạch 1.895 ha, đạt 53,43% diện tích gieo trồng, tăng 2,99% (+55 ha); sản lượng hoa ước đạt 695,2 triệu bông/cành, tăng

4,76% (+31,6 triệu bông) so với cùng kỳ, do sản xuất được áp dụng nông nghiệp công nghệ cao, năng suất tăng, mặt khác dịch bệnh trên cây hoa được khống chế.

#### **\*Gieo trồng và thu hoạch cây hàng năm vụ Mùa 2024**

Tiến độ gieo trồng vụ Mùa đến ngày 10/8/2024 thực hiện 14.844 ha cây hàng năm, đạt 30,06% so với kế hoạch, tăng 2,45% (+355 ha) so với cùng kỳ.  
*Trong đó:*

- Diện tích lúa gieo trồng 6.647 ha, đạt 59% kế hoạch, tăng 1,7% (+111 ha) so với cùng kỳ, tập trung ở Đức Trọng 2.515 ha, chiếm 37,84%; Di Linh 2.210 ha, chiếm 33,25%; Đam Rông 910 ha, chiếm 13,69%.

- Sắn (mỳ) gieo trồng 181 ha, giảm 13,81% (-29 ha) so với cùng kỳ do quỹ đất ngày càng giảm chủ yếu ở huyện Đam Rông, Đa Tễ, Cát Tiên, hiệu quả kinh tế không cao người dân chuyển sang trồng cây khác.

Cây mía 156 ha, giảm 14,29% (-26 ha) so với cùng kỳ, do hiệu quả kinh tế không cao cho nên người dân chuyển sang trồng cây khác.

**Cây lâu năm:** Tình hình thu hoạch sản phẩm cây lâu năm 8 tháng đầu năm 2024 chủ yếu là cây điều, hồ tiêu đang bước vào mùa thu hoạch rộ, đối với cây chè, dâu tằm thu hoạch theo đợt, còn các cây ăn quả như sầu riêng, bơ, mít,... đến kỳ cho thu hoạch sản phẩm. Bên cạnh được sự chỉ đạo của các ngành, các cấp tại địa phương thường xuyên kiểm tra công trình thủy lợi, huy động lực lượng nạo vét kênh mương, khai thác có hiệu quả các nguồn nước phục vụ cho công tác tưới tiêu cũng như chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó hiệu quả với tình hình mưa bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất.

*Chuyển đổi giống cây trồng:* Từ đầu năm đến nay triển khai thực hiện kế hoạch trồng mới, chuyển đổi giống cây trồng là 7.178 ha. Trong đó, trồng mới, trồng tái canh, ghép cải tạo cà phê 3.768 ha (*trồng mới 818 ha; trồng tái canh, cải tạo 2.950 ha*); cây ăn quả 2.846 ha (*trồng mới 1.825 ha, trồng tái canh, cải tạo 1.020 ha*).






*Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng:* Trong tháng 8/2024 sâu bệnh trên các loại cây trồng cơ bản được kiểm soát; các đối tượng sâu bệnh hại trên cây cà phê, chè, sầu riêng như: bọ xít muỗi, xì mũ, thối rễ, xoắn lá, tuyến trùng ...biến động nhẹ so với cùng kỳ<sup>1</sup>. Cơ quan chức năng đã kịp thời thực hiện các biện pháp kiểm soát, không để thành dịch gây thiệt hại cho sản xuất.

---

<sup>1</sup> Trên cây sầu riêng: bệnh xì mũ, thối rễ gây hại 2.603,2 ha tại các huyện Đa Huoai, Đa Tễ, Cát Tiên (415,7 ha nhiễm nặng), tăng 62,1 ha so với cùng kỳ; cây cà phê: bọ xít muỗi gây hại nhẹ 1.641 ha (giảm 427,8 ha so với cùng kỳ); trên cây điều: bọ xít muỗi gây hại 3.082 ha (giảm 44,9 ha so với cùng kỳ), bệnh thán thư gây hại 3.193 ha (giảm 74,9 ha so với cùng kỳ); trên cây cà chua: sâu đục lá cà chua gây hại 2,5 ha tại huyện Đức Trọng, bệnh xoắn lá virus gây hại 67,3 ha (tăng 2,5 ha so với cùng kỳ); trên cây dâu tằm: bệnh tuyến trùng gây hại 342,5 ha tại các huyện Đa Huoai, Đa Tễ (giảm 321,4 ha so với cùng kỳ); bệnh sọc thân virus gây hại 15 ha hoa cúc tại thành phố Đà Lạt (tăng 2,6 ha so với cùng kỳ).

### \* Tình hình chăn nuôi

*Tổng đàn vật nuôi đến thời điểm 10/8/2024:* Tổng đàn trâu hiện có 14.367 con, tăng 0,73 %; tổng đàn bò 99.641 con, giảm 1,71% (giảm đàn bò thịt); tổng số lợn là 423.000 con, giảm 2,46%; tổng đàn gia cầm 6.343,2 ngàn con, tăng 16,97%, trong đó: tổng số đàn gà 5.686,6 nghìn con, tăng 16,42% so với cùng kỳ (tăng đàn gà đẻ trứng).

<b>SẢN PHẨM CHĂN NUÔI</b> (Xuất chuồng 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ)				
				
<b>Trâu</b>	<b>Bò</b>	<b>Lợn</b>	<b>Gà</b>	<b>Sữa bò</b>
<b>725,5</b>	<b>4.457,6</b>	<b>47.376,8</b>	<b>14.557,2</b>	<b>80.966</b>
<b>Tấn</b>	<b>Tấn</b>	<b>Tấn</b>	<b>Tấn</b>	<b>Tấn</b>
<b>▲ 2,86%</b>	<b>▲ 2,24%</b>	<b>▼ 1,74%</b>	<b>▲ 1,39%</b>	<b>▲ 5,99%</b>

*Tổng sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong 8 tháng năm 2024:* Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 725,5 tấn, tăng 2,86%; sản lượng thịt bò hơi xuất đạt 4.457,6 tấn, tăng 2,24%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 47.376,8 tấn, giảm 1,74%; sản lượng thịt gà đạt 14.557,2 tấn, tăng 1,39% so với cùng kỳ.

*Sản lượng, sản phẩm không qua giết mổ:* Sản lượng sữa bò đạt 80.966 tấn, tăng 5,99%; sản lượng trứng gà đạt 233.396,7 ngàn quả, tăng 6,46% so với cùng kỳ.

*Các hoạt động phòng, chống dịch bệnh:* Trong tháng 8/2024, tình hình chăn nuôi, thủy sản cơ bản duy trì ổn định. Tuy nhiên, có xảy ra dịch bệnh tiêu chảy trên đàn bò sữa tại các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh và thành phố Bảo Lộc. Trong 8 tháng đầu năm 2024 bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và bệnh Viêm da nổi cục trâu bò xuất hiện nhưng đã được phát hiện và xử lý kịp thời. Đến nay trên địa bàn tỉnh đã qua 21 ngày không xảy ra dịch bệnh. Lũy kể từ 01/01 đến 10/8/2024 trên địa bàn tỉnh có 392 con lợn mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại 02 cơ sở chăn nuôi/02 thôn/02 xã/02 huyện (Lạc Dương, Lâm Hà), tiêu hủy toàn bộ 392 con lợn mắc bệnh, chết; 08 con bê mắc bệnh viêm da nổi cục/08 hộ/06 thôn/02 xã, số chết và tiêu hủy là 02 con bê. Riêng bệnh tiêu chảy ở đàn bò đến ngày 23/8/2024 có 6.208 con bị bệnh, trong đó có 384 con bị chết.

*Công tác tiêm phòng:* Các địa phương trên địa bàn tỉnh cơ bản đã tổ chức tiêm phòng xong đợt 1/2024, riêng vắc xin Viêm da nổi cục tạm thời dừng tiêm phòng cho đàn bò sữa; tiếp tục triển khai và khử trùng tiêu độc đợt 2 và đợt

3/2024. Lũy kế từ 01/01 đến 10/8/2024 số lượng gia súc, gia cầm được tiêm vắc xin như sau: Vắc xin phòng bệnh Lở mồm long móng trâu bò tiêm được 71.296 con (đạt 80,3% so với diện tiêm), vắc xin phòng bệnh Tụ huyết trùng trâu, bò tiêm được 67.040 con (đạt 75,5% so với diện tiêm), vắc xin phòng bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò tiêm phòng được 35.930 con (đạt 36,9% so với diện tiêm); vắc xin phòng bệnh Lở mồm long móng lợn tiêm được 267.806 con (đạt 88,1% so diện tiêm), vắc xin phòng 3 bệnh đỏ lợn tiêm được 258.134 con (đạt 85% so với diện tiêm); vắc xin phòng bệnh Cúm gia cầm tiêm được 399.204 con (đạt 92,6% so diện tiêm) và vắc xin phòng bệnh Đại tiêm được 56.520 con (đạt 50,3% so với tổng đàn).

*Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật:* Duy trì thực hiện công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh theo quy trình kiểm dịch. Trong kỳ tháng 8/2024 (từ ngày 15/7-14/8/2024) kiểm dịch xuất tỉnh 51.635 con lợn; 40 con bò; 2,25 triệu con gà; 149.640 con vịt; 30.000 con thủy sản; 149 tấn sản phẩm khác (chủ yếu nhộng tằm, phủ tạng) và 740 tấm da bò. Kiểm dịch nhập tỉnh 12.695 con lợn giống; 325.405 con gà giống; 435 con trâu, bò về để sản xuất và 0,3 tấn sản phẩm đông lạnh.

## **1.2. Sản xuất lâm nghiệp**

*Lâm sinh:* Trong 8 tháng năm 2024, tổng diện tích giao khoán quản lý bảo vệ rừng đạt 456.397,2 ha với 14.401 hộ dân và 48 tập thể nhận khoán, đặc biệt là giao khoán từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (399.149 ha với 13.059 hộ và 34 tập thể).

*Công tác trồng 50 triệu cây xanh:* Triển khai thực hiện kế hoạch số 2209/KH-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh trồng 50 triệu cây xanh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025 Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn phối hợp với các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch trồng cây xanh của từng địa phương, đảm bảo mục tiêu trồng được 13,6 triệu cây trong năm 2024<sup>2</sup>.

Thực hiện lễ phát động “Tết trồng cây” năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã thực hiện trồng được 6,08 triệu cây xanh các loại (đạt 46,34% so với kế hoạch năm 2024 của các địa phương); trong đó: trồng rừng tập trung (phòng hộ, đặc dụng, sản xuất) là 980.555 cây; trồng cây xanh phân tán (đô thị và nông thôn và trồng trong các trụ sở, cơ quan, đơn vị) là 2,8 triệu cây.

---

<sup>2</sup> TP. Đà Lạt 1.030 ngàn cây; TP. Bảo Lộc 1.406 ngàn cây; huyện Lạc Dương 1.194 ngàn cây; huyện Đam Rông 1.197 ngàn cây; huyện Lâm Hà 1.216 ngàn cây; huyện Đơn Dương 1.126 ngàn cây; huyện Đức Trọng 1.094 ngàn cây; huyện Di Linh 1.474 ngàn cây; huyện Bảo Lâm 1.237 ngàn cây; huyện Đa Huoai 925 ngàn cây; huyện Đa Tịch 921 ngàn cây; huyện Cát Tiên 830 ngàn cây.

*Khai thác lâm sản:* Ước tính trong tháng 8/2023 sản lượng gỗ tròn các loại khai thác ở các loại hình kinh tế trong tỉnh 4.500 m<sup>3</sup>, tăng 1,93%; sản lượng củi thước 2.985 ster, giảm 0,76% so với cùng kỳ. Lũy kế 8 tháng năm 2024 sản lượng gỗ tròn các loại khai thác ở các loại hình kinh tế đạt 32.434,1 m<sup>3</sup>, tăng 1,92%; sản lượng củi thước 44.997,7 ster, giảm 1,45% so với cùng kỳ chủ yếu là khai thác rừng trồng.

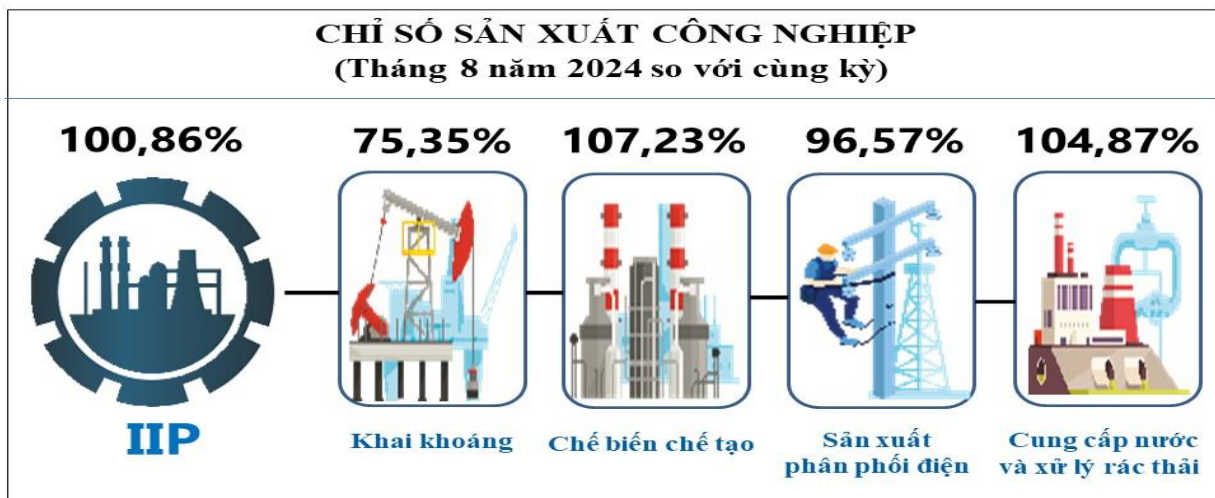
*Tình hình vi phạm lâm luật:* Từ 10/7/2024 - 10/8/2024 lực lượng chức năng đã phát hiện, lập biên bản số vụ vi phạm là 16 vụ, diện tích thiệt hại do phá rừng 3,56 ha, lâm sản thiệt hại 42,5 m<sup>3</sup>. Lũy kế đến 10/8/2024, tổng số 106 vụ, giảm 30,26%; diện tích thiệt hại do phá rừng 9,69 ha, giảm 25,75%; lâm sản thiệt hại 646,8 m<sup>3</sup>; lâm sản tịch thu 159 m<sup>3</sup> gỗ tròn, gỗ xẻ các loại, thu nộp ngân sách 0,98 tỷ đồng.

## 2. Sản xuất công nghiệp

*Lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong 8 tháng đầu năm 2024 hoạt động ổn định, đáp ứng các đơn hàng đã ký và nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng như xuất khẩu, chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp chế biến; bên cạnh đó ngành sản xuất và phân phối điện tiếp tục đảm bảo yêu cầu an toàn cho hệ thống hồ, đập thủy điện, các hồ chứa tích nước và bảo trì hệ thống máy phát, sản lượng điện sản xuất theo kế hoạch điều động của Trung tâm điều độ điện quốc gia, nên sản lượng điện thấp so với cùng kỳ năm 2023.*

### 2.1. Sản xuất công nghiệp tháng 8 năm 2024

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 8 năm 2024 tăng 0,86% so với cùng kỳ.



*Chia theo ngành công nghiệp:*

- *Chỉ số sản xuất ngành khai khoáng:* Chỉ số giảm 24,65% so với cùng kỳ, trong đó ngành khai khoáng đá, cát, sỏi, đất sét giảm 24,81% do nguồn nguyên

liệu ít, các doanh nghiệp chưa được cấp phép khai thác mới; chính sách quản lý tài nguyên, môi trường đang được kiểm soát chặt chẽ.

- *Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:* Chỉ số sản xuất tăng 7,23% so với cùng kỳ tăng ở các ngành như: Ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 176,14%; ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 30,12%; ngành chế biến thực phẩm tăng 13,48%; ngành sản xuất đồ uống tăng 11,69%; ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 11,3%; ngành sản xuất trang phục tăng 5,93%; ngành dệt tăng 5,81%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 5,8%; ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 4,69%. *Một số ngành có chỉ số giảm như:* Ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu giảm 45,8%; ngành in, sao chép bản ghi các loại giảm 37,98%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 9,44%; ngành sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 4,1% do nhu cầu tiêu thụ không cao, một số công ty không có hợp đồng sản xuất mới, tuy nhiên những ngành có chỉ số giảm chiếm tỷ trọng nhỏ trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

- *Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước và điều hòa không khí:* Tiếp tục duy trì dòng chảy và sản lượng điện sản xuất theo kế hoạch điều động của Trung tâm điều độ điện quốc gia nên trong tháng 8 năm 2024 dự ước chỉ số sản xuất giảm 3,43% so với cùng kỳ.

- *Chỉ số sản xuất ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải:* tăng 4,87%; trong đó khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 3,93% và hoạt động thu gom rác thải tăng 8,28% so với cùng kỳ.

#### **Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8 qua các năm (%)**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2024</b>
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>82,29</b>	<b>153,36</b>	<b>103,90</b>	<b>100,86</b>
1. Khai khoáng	91,05	216,37	96,24	75,35
2. Chế biến, chế tạo	83,60	136,44	103,45	107,23
3. Sản xuất, phân phối điện ...	96,40	173,13	104,80	96,57
4. Cung cấp nước; HĐ quản lý và xử lý rác thải, nước thải	96,91	109,66	103,09	104,87

Sản phẩm chủ yếu công nghiệp khai khoáng: Sản phẩm cao lanh đạt 27,8 ngàn tấn, giảm 45,59%; đá xây dựng đạt 332,2 ngàn m<sup>3</sup>, giảm 10,81% so với cùng kỳ.

Các sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Quả và hạt ướp lạnh đạt 1.162 tấn, tăng 41,19%; sản phẩm phân bón NPK đạt 27,6 ngàn tấn, tăng 30,12%; sản phẩm trà đạt 1.640 tấn, tăng 26,54%; sản phẩm bia đóng lon đạt 12,1 triệu lít, tăng 10,5%; sợi xe từ lông động vật đạt 160 tấn, tăng 10,15%; sản phẩm ôxit nhôm đạt 68 ngàn tấn, tăng 3,57%; vải lụa tơ tằm đạt 333 ngàn m<sup>2</sup>, tăng 2,65%; sản phẩm

bê tông trộn sẵn đạt 58,2 ngàn m<sup>3</sup>, giảm 3,37%; rau ướp lạnh đạt 1.025 tấn, giảm 21,43% so với cùng kỳ.

Sản phẩm điện sản xuất của các nhà máy trên địa bàn tỉnh đạt 760 triệu kwh, giảm 4,63%; sản phẩm nước sạch đạt 3,24 triệu m<sup>3</sup>, tăng 3,93% so với cùng kỳ.

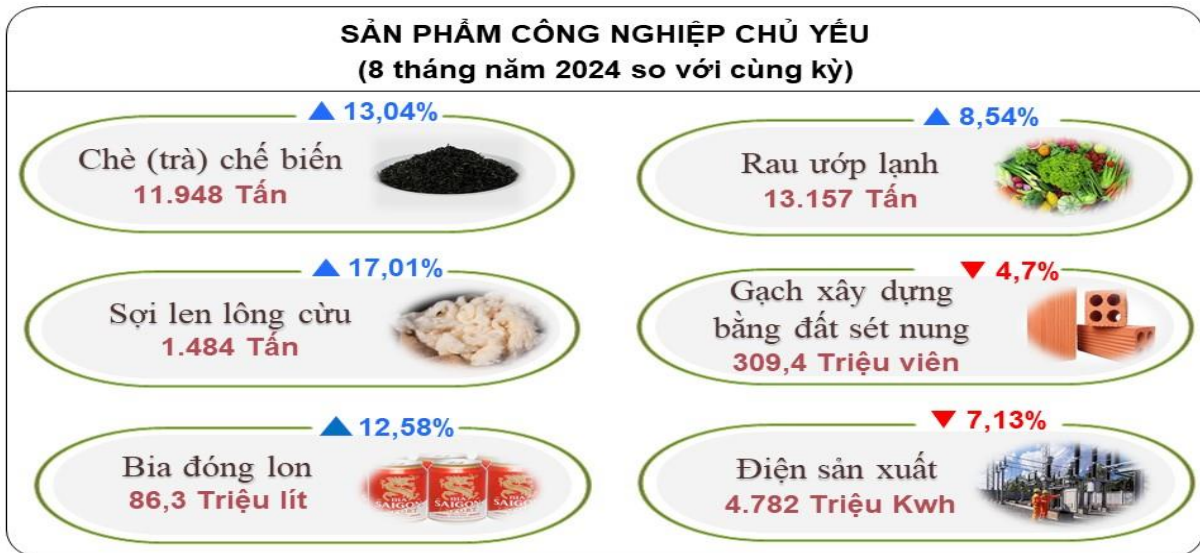
## 2.2. Sản xuất công nghiệp 8 tháng năm 2024

Dự ước chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trong 8 tháng năm 2024 tăng 1,69% so với cùng kỳ. Trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,54%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,24%; ngành khai khoáng giảm 11,14%; ngành sản xuất, phân phối điện giảm 5,68%.

*Chỉ số sản xuất 8 tháng năm 2024 của một số ngành chủ yếu thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng so với cùng kỳ năm trước:* Sản xuất thuốc hóa dược và dược liệu tăng 76,51%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 25,94%; chế biến thực phẩm tăng 18,67%; ngành dệt tăng 11,68%; sản xuất đồ uống tăng 10,74%; sản xuất trang phục tăng 4,95%; sản xuất kim loại tăng 4,37%.

*Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước và điều hòa không khí:* Giảm 5,68% so với cùng kỳ.

*Chỉ số sản xuất ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải:* Tăng 4,24% so với cùng kỳ; trong đó: khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 3,73% và hoạt động thu gom rác thải tăng 6,14% so với cùng kỳ.



*Một số sản phẩm công nghiệp 8 tháng năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước:* Phân bón NPK đạt 86,9 ngàn tấn, tăng 25,94%; Sợi len lông cừu đạt 1.484 tấn, tăng 17,01%; chè (trà) nguyên chất đạt 11.948 tấn, tăng 13,04%; bia đóng lon đạt 86,3 triệu lít, tăng 12,58%; ôxít nhôm đạt 522 ngàn tấn, tăng 4,37%; cao lanh đạt 202,8 ngàn tấn, tăng 3,06%. *Một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước:* Điện



sản xuất của các nhà máy trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đạt 4.782 triệu kwh, giảm 7,13%; gạch xây dựng bằng đất sét nung đạt 309,4 triệu viên, giảm 4,7%; bê tông tươi đạt 435,5 ngàn m<sup>3</sup>, giảm 2,55%.

**Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 8 năm 2024** tăng 1,78% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành khai khoáng đạt 80,09%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,03%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,78% và ngành cung cấp nước, xử lý rác thải tăng 2,92% so với cùng kỳ. Chia theo loại hình kinh tế: Chỉ số lao động của doanh nghiệp công nghiệp ở loại hình doanh nghiệp nhà nước tăng 1,22%; doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 2,44% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,29% so với cùng kỳ.

### **3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp<sup>3</sup>**

**Đăng ký kinh doanh:** Trong tháng 8/2024, có 104 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 647,2 tỷ đồng, so với cùng kỳ giảm 9,6% về số doanh nghiệp và giảm 73,9% về vốn đăng ký. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/8/2024 có 832 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 4.022,6 tỷ đồng, so với cùng kỳ giảm 9,5% về số doanh nghiệp và giảm 42,8% về vốn đăng ký.

**Tạm ngừng kinh doanh, giải thể:** Trong tháng 8/2024 có 48 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 41,2%; có 32 doanh nghiệp giải thể, tăng 3,2%; có 22 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 29,4% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/8/2024 có 693 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 30,3%; có 172 doanh nghiệp giải thể, tăng 5,5%; có 281 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 13,3% so với cùng kỳ.

Đến tháng 8/2024, toàn tỉnh có 571 hợp tác xã, với tổng số vốn điều lệ đăng ký 1.199,72 tỷ đồng, với 75.357 thành viên hợp tác xã; 05 Liên hiệp Hợp tác xã và 436 Tổ hợp tác.

**Tình hình thu hút đầu tư:** Trong tháng 8/2024, không có dự án đầu tư cấp mới, thu hồi; có 02 dự án được điều chỉnh (thông tin nhà đầu tư); thu hồi 01 dự án đầu tư. Trong 8 tháng đầu năm 2024, có 01 dự án đầu tư cấp mới với số vốn đăng ký đầu tư 35 tỷ đồng, quy mô diện tích đạt 0,65ha. Có 24 dự án được điều chỉnh nội dung dự án đầu tư, trong đó tổng vốn đầu tư điều chỉnh tăng 3.870,5 tỷ đồng, quy mô diện tích tăng 1,36 ha. Chấm dứt hoạt động 06 dự án đầu tư và chấm dứt một phần hoạt động của 04 dự án đầu tư.

### **4. Đầu tư**

Từ đầu năm 2024 đến nay tỉnh Lâm Đồng thực hiện các Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Trung ương và địa phương về việc triển khai

<sup>3</sup> Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng.

đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024, đầu tư nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương năm 2024 và đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh. Tên cơ sở đó tỉnh đã chủ động triển khai mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tập trung đầu tư công, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh và quản trị hiệu quả kinh doanh của các thành phần kinh tế, bám sát chủ trương của UBND tỉnh trong hoạt động đầu tư xây dựng đúng tiến độ công trình, nhất là công trình được cấp phép xây dựng mới trong năm 2024.

Dự ước tháng 8/2024 tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý trên địa bàn đạt 675,3 tỷ đồng, tăng 0,29% so cùng kỳ. Trong đó:

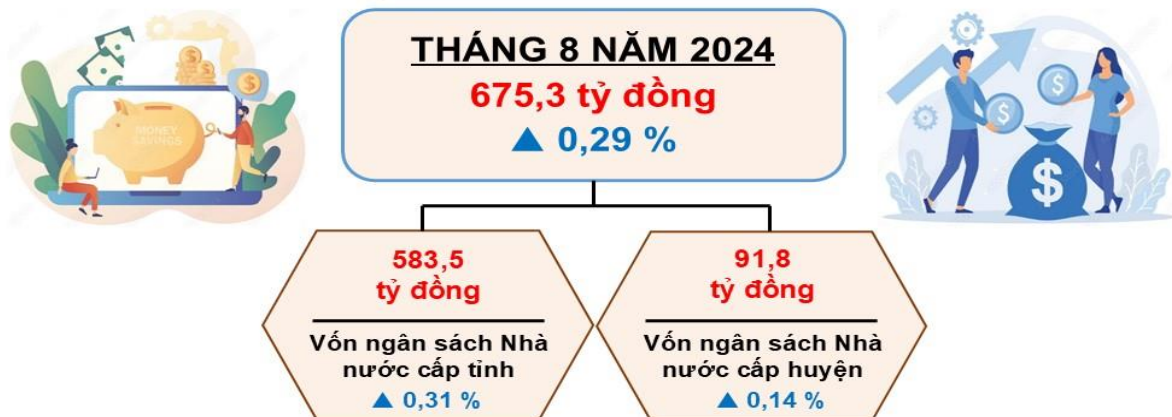
- Nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 583,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 86,41% trong tổng vốn, tăng 0,31% so với cùng kỳ. Trong tháng chủ yếu đầu tư các công trình hạ tầng cơ sở, công trình văn hóa, công cộng... nhất là các công trình trọng điểm của tỉnh, cụ thể:

- (1) Vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 273 tỷ đồng, tăng 0,74% so với cùng kỳ.
- (2) Vốn TW hỗ trợ theo mục tiêu đạt 104,4 tỷ đồng, tăng 0,31% so với cùng kỳ.
- (3) Vốn xổ số kiến thiết đạt 202,1 tỷ đồng, tăng 1,03% so với cùng kỳ.
- (4) Vốn khác thực hiện đạt 4 tỷ đồng, bằng 61,01% so với cùng kỳ.

- Nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 91,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,59% trong tổng vốn, tăng 0,14% so với cùng kỳ. Trong đó: Vốn cân đối ngân sách huyện đạt 66,3 tỷ đồng, tăng 6,15% so với cùng kỳ; Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 23,1 tỷ đồng, tăng 0,79% so cùng kỳ.

### VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN THUỘC NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ THÁNG 8 NĂM 2024

▲ ▼ Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2023



Trong tháng 8/2024, tiếp tục thực hiện một số dự án, công trình lớn trên các địa bàn như: nâng cấp đường ĐanKia và cầu Phước Thành phường 7, xây dựng công trình khẩn cấp chống ùn tắc tại các nút giao thông trên địa bàn thành phố Đà Lạt; dự án bố trí sắp xếp dân di cư tự do TK179 khu vực Tây Sơn, làm đường đi trung tâm huyện đi QL27, làm đường cứu hộ cứu nạn từ QL27 vào trung tâm xã Rô Men huyện Đam Rông; làm đường tránh thị trấn Thanh Mỹ huyện Đơn Dương; dự án xây dựng hồ chứa nước Ta Hoét, làm đường ĐH 3 (Hồ Xuân Hương – Tân Phú – Tân Thành – Pongour – QL20) huyện Đức Trọng; làm đường 3L, 3K, K5, K10 huyện Đạ Tẻh và huyện Cát Tiên...

Dự ước 8 tháng đầu năm 2024, tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý thực hiện đạt gần 3.652,5 tỷ đồng, tăng 17,79% so với cùng kỳ. Trong đó:

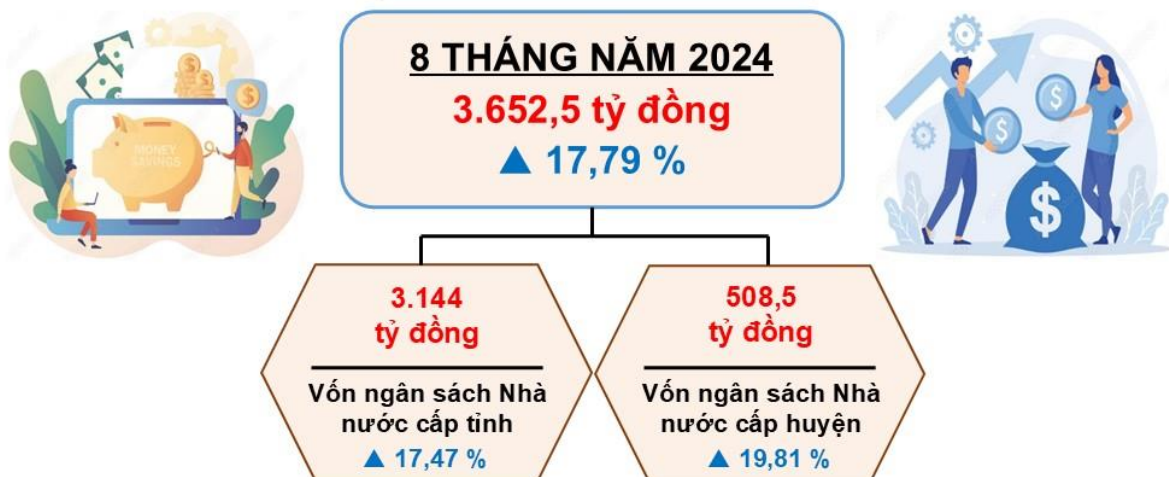
- Nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 3.144 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 86,08% trong tổng vốn, tăng 17,47% so với cùng kỳ, cụ thể:

- (1) Vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 1.541 tỷ đồng, tăng 13,17% so với cùng kỳ.
- (2) Vốn TW hỗ trợ theo mục tiêu đạt gần 568,3 tỷ đồng, tăng 31% so cùng kỳ.
- (3) Vốn xổ số kiến thiết đạt gần 1.012,8 tỷ đồng, tăng 19,62% so với cùng kỳ.
- (4) Vốn khác thực hiện 21,91 tỷ đồng, bằng 63,08% so với cùng kỳ.

- Nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 508,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,92% trong tổng vốn, tăng 19,81% so với cùng kỳ, trong đó: Vốn cân đối ngân sách huyện đạt 394,9 tỷ đồng, tăng 22,28% so với cùng kỳ; Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 95,5 tỷ đồng, tăng 29,8% so cùng kỳ.

## VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN THUỘC NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ 8 THÁNG NĂM 2024

▲▼ Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2023



## 5. Hoạt động tài chính, tín dụng

### 5.1. Hoạt động tài chính <sup>4</sup>

*Hoạt động tài chính thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tập trung tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, thu hồi nợ thuế; quy trình quản lý thuế thực hiện thông qua hệ thống công nghệ thông tin theo quy định của Tổng cục Thuế. Do triển khai quyết liệt nhiều giải pháp, vì vậy công tác thu ngân sách đạt được những kết quả khá tích cực. Nhiệm vụ chi ngân sách trong những tháng đầu năm 2024 được thực hiện theo dự toán, phát triển kinh tế - xã hội, với đảm bảo quốc phòng, an ninh, trong đó chú trọng đến các khoản thanh toán nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.*



Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 8/2024 ước đạt 914 tỷ đồng. Lũy kế 8 tháng năm 2024 tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 8.954,6 tỷ đồng, bằng 63,28% dự toán địa phương và tăng 6,33% so với cùng kỳ. Trong đó, các khoản thu chính như sau:

- *Thu nội địa* tháng 8/2024 ước đạt 893,6 tỷ đồng. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024 ước đạt 8.787,9 tỷ đồng, bằng 63,68% dự toán địa phương và tăng 7,02% so với cùng kỳ. Trong đó, có một số khoản thu, sắc thuế đạt khá so dự toán và tăng trưởng so cùng kỳ như như thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt gần 1.832 tỷ đồng, bằng 96,42% dự toán địa phương, tăng 27,12%; thu từ đất và nhà đạt 1.562,1 tỷ đồng, tăng 51,98%; thuế thu nhập cá nhân đạt 987,4 tỷ đồng, tăng 5,46%; thuế bảo vệ môi trường đạt 327,1 tỷ đồng, tăng 2,55%. Tuy nhiên, một số khoản thu, sắc thuế giảm so với cùng kỳ như nguồn thu từ thuế ngoài quốc doanh đạt 2.300,5 tỷ đồng, giảm 8,52%; thu từ doanh nghiệp Nhà nước Trung ương đạt 641,3 tỷ đồng, giảm 17,83%; thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương đạt 72,7 tỷ, giảm 2,44% so với cùng kỳ.

<sup>4</sup> Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng.

- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu tháng 8/2024 ước đạt 20,4 tỷ đồng; lũy kế 8 tháng năm 2024 đạt 166,7 tỷ đồng, bằng 47,63% dự toán địa phương và giảm 20,51% so với cùng kỳ.

Tổng thu ngân sách địa phương trong 8 tháng đầu năm 2024 đạt 20.696 tỷ đồng, bằng 106,37% dự toán địa phương, tăng 2,81% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương tháng 8/2024 ước đạt 1.233,6 tỷ đồng. Lũy kế 8 tháng năm 2024 ước đạt 10.171 tỷ đồng, bằng 52,24% dự toán địa phương và giảm 7,11% so với cùng kỳ. Trong đó, chi thường xuyên 8 tháng đầu năm ước đạt 5.911,3 tỷ đồng, bằng 53,37% dự toán địa phương và tăng 14,87%; chi đầu tư phát triển đạt 1.591 tỷ đồng, bằng 29,02% dự toán địa phương và giảm 27,63% so với cùng kỳ.

## 2.2. Hoạt động tín dụng<sup>5</sup>

Từ đầu năm 2024 các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh triển khai các chủ trương, chính sách, quy định của ngành, của Nhà nước và của địa phương đến các đối tượng có liên quan; thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng có hiệu quả đi đôi với kiểm soát chất lượng. Tiếp tục thực hiện cho vay Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng với 1.115 khách hàng còn dư nợ, dư nợ chương trình này đến cuối tháng 8/2024 đạt 11.518 tỷ đồng.



*Hoạt động huy động vốn:* Ước tính đến 31/8/2024, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh ước tính đạt 107.000 tỷ đồng, tăng 6,6% so với thời điểm cuối năm 2023 và tăng 12,77% so với cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi VND đạt 103,5 tỷ đồng, tăng 5,69% so với thời điểm cuối năm 2023 và tăng 12,44% so với cùng kỳ; tiền gửi ngoại tệ đạt 1.000 tỷ đồng, tăng 11,73% so

<sup>5</sup> Nguồn: Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

với thời điểm cuối năm 2023. Theo cơ cấu tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm đạt 71.000 tỷ đồng, chiếm 67,94% tổng số tiền gửi, tăng 6,74% và tăng 6,77% so với cùng kỳ; tiền gửi thanh toán và ký quỹ đạt 33.500 tỷ đồng, chiếm 32,06% tổng số tiền gửi, tăng 3,7% so với thời điểm cuối năm 2023 và tăng 26,74% so với cùng kỳ.

*Hoạt động tín dụng:* Ước tính đến 31/8/2024, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt 180.000 tỷ đồng, tăng 2% so với thời điểm cuối năm 2023 và tăng 8,3% so với cùng kỳ. Trong đó dư nợ cho vay theo kỳ hạn ngắn hạn đạt 138.800 tỷ đồng, tăng 3,45% so với thời điểm cuối năm 2023 và tăng 10,68% so với cùng kỳ; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 41.200 tỷ đồng, giảm 2,6% so với thời điểm cuối năm 2023 và tăng 0,98% so với cùng kỳ.

*Về chất lượng tín dụng:* Nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước tính đến 31/8/2024 là 1.420 tỷ đồng, chiếm 0,79% tổng dư nợ và tăng 58,31% so với thời điểm cuối năm 2023, tăng 17,45% so với cùng kỳ.

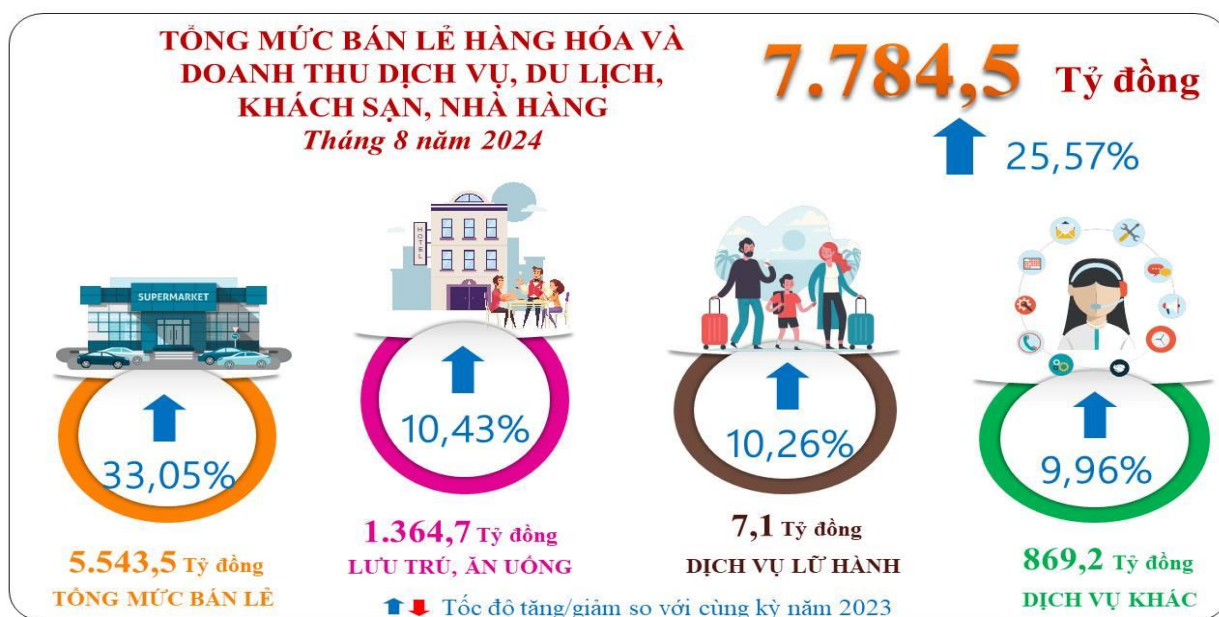
*Tình hình dư nợ các chương trình tín dụng:* Tính đến 31/8/2024 dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn đạt 130.000 tỷ đồng (theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ); cho vay hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo Nghị định 45/2024/NQ-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ) đạt 16.100 tỷ đồng.

## **6. Thương mại, dịch vụ, giá cả và vận tải**

### **6.1. Thương mại, dịch vụ**

*Trong tháng 8 năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phát triển theo chiều hướng tích cực; các chỉ tiêu về thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá; các lĩnh vực lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ cơ bản thông suốt và lượng cung hàng hóa trên thị trường khá dồi dào, chủng loại phong phú, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Các cấp, các ngành đã và đang chủ động triển khai các chương trình, giải pháp hỗ trợ kích thích sản xuất, đầu tư, mở rộng thị trường trong và ngoài nước với các hoạt động xúc tiến thương mại như quảng bá, triển lãm, khuyến mãi, thông tin và kết nối thúc đẩy xuất khẩu mang lại hiệu quả; kịp thời nắm bắt tháo gỡ khó khăn, vướng mắc... Đặc biệt, trong tháng đã thu hút đông đảo du khách đến tham quan và nghỉ dưỡng tại thành phố Đà Lạt nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung (so với cùng kỳ) đã góp phần kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh.*

Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 8/2024 đạt 7.784,5 tỷ đồng, tăng 25,57% so với cùng kỳ (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 21,47%). Lũy kế 8 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 57.311,4 tỷ đồng, tăng 18,64% so với cùng kỳ (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 14,16%).



Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 8/2024 ước đạt 5.543,5 tỷ đồng, chiếm 71,21% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 33,05% so với cùng kỳ; trong đó, có 09/12 nhóm hàng hóa doanh thu tăng từ 3,62% đến 67,08% so với cùng kỳ; một số nhóm hàng hóa có doanh thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa như: nhóm lương thực, thực phẩm đạt 2.414,1 tỷ đồng, tăng 52,47% do ảnh hưởng của lương cơ sở được điều chỉnh tăng từ 01/7/2024 (từ 1.800.000 đồng lên 2.340.000 đồng) nên giá cả một số mặt hàng tăng theo như gạo, thịt, cá, trứng,... doanh thu bán lẻ nhóm hàng này tăng là nguyên nhân chính góp phần làm tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa chung của tỉnh; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng đạt 1.025,5 tỷ đồng, tăng cao nhất với 67,08%, do các loại vật liệu khai thác như cát, đá, đất đắp biến động mạnh do nguồn cung khan hiếm và nhu cầu xây dựng tăng cao; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 651,2 tỷ đồng, tăng 10,41% so với cùng kỳ; có 03/12 nhóm hàng hóa doanh thu giảm từ 1,15% đến 20,09% so với cùng kỳ, giảm nhiều nhất là phương tiện đi lại với 20,09%. Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa 8 tháng đầu năm 2024 đạt 39.965,7 tỷ đồng, tăng 22,56% so với cùng kỳ; 10/12 nhóm hàng hóa tăng từ 3,06% (nhóm xăng dầu các loại) đến 38,77% (nhóm gỗ và vật liệu xây dựng); riêng nhóm ô tô các loại và nhóm phương tiện đi lại doanh thu lần lượt giảm 18,22% và 13,2% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 8/2024 ước đạt 1.364,7 tỷ đồng, tăng 10,43% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 243,2 tỷ đồng, tăng 19,63%; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 1.121,5 tỷ đồng, tăng 8,62% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 8 tháng đầu năm 2024 đạt 10.449,3 tỷ đồng, tăng 14,67% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 1.947,9 tỷ đồng, tăng 17,36% và doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 8.501,4 tỷ đồng, tăng 14,07% so với cùng kỳ. Tổng lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ lũy kế 8

tháng đạt 4.784,5 nghìn lượt khách, tăng 13,79% so với cùng kỳ; trong đó, lượt khách ngủ qua đêm đạt 4.707,6 nghìn lượt khách, tăng 13,93% so với cùng kỳ.

*Doanh thu du lịch lữ hành* dự ước tháng 8/2024 đạt 7,1 tỷ đồng, tăng 10,26% so với cùng kỳ; doanh thu 8 tháng đầu năm đạt 50 tỷ đồng, tăng 11,49% so với cùng kỳ.

*Doanh thu dịch vụ khác* (trừ ăn uống, lưu trú và lữ hành) tháng 8/2024 ước đạt 869,2 tỷ đồng, tăng 9,96% so với cùng kỳ; doanh thu các nhóm dịch vụ đều tăng, tăng thấp nhất là nhóm dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ đạt 47,9 tỷ đồng, tăng 5,17%; doanh thu nhóm dịch vụ giáo dục và đào tạo đạt 21 tỷ đồng, có mức tăng cao nhất với 20,14% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu dịch vụ khác (trừ ăn uống, lưu trú và lữ hành) 8 tháng đầu năm 2024 đạt 6.846,4 tỷ đồng, tăng 4,67% so với cùng kỳ, doanh thu các nhóm dịch vụ đều tăng, mức tăng dao động từ 2,56% đến 11,02% so với cùng kỳ.

## **6.2. Tình hình xuất, nhập khẩu**

*Ước thực hiện tháng 8/2024:* Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 94,51 triệu USD, tăng 12,87% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực doanh nghiệp trong nước ước đạt 56,71 triệu USD, tăng 4,19%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 37,8 triệu USD, tăng 28,99% so với cùng kỳ. Tổng kim ngạch nhập khẩu dự ước đạt 54,32 triệu USD, tăng 142,72% so với cùng kỳ.

*Ước thực hiện 8 tháng năm 2024:* Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 663,5 triệu USD, tăng 11,44% so với cùng kỳ và đạt 67,36% kế hoạch năm 2024. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 190,44 triệu USD, tăng 62,78% so với cùng kỳ, đạt 100,76% kế hoạch năm 2024.

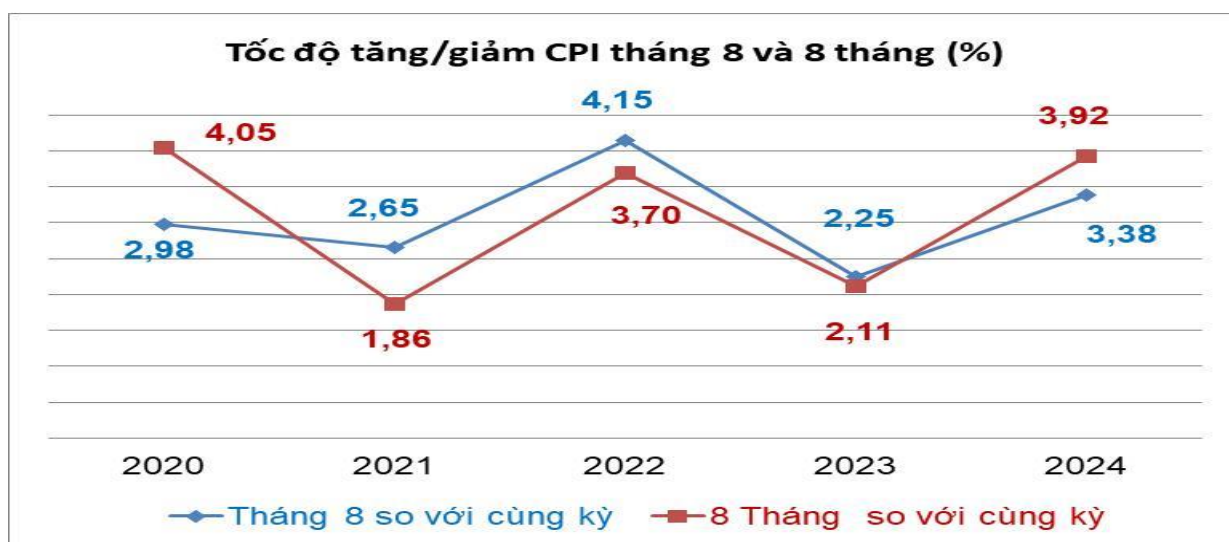
*Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:* Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, các mặt hàng xuất khẩu như Alumina và hydroxit nhôm đạt 391,6 ngàn tấn, ước đạt giá trị 180,2 triệu USD, bằng 81,11% về lượng và tăng 7,44% về giá trị so với cùng kỳ; cà phê nhân ước sản lượng đạt 48,2 ngàn tấn, giá trị 155,4 triệu USD, bằng 78,22% về lượng và tăng 13,15% về giá trị so với cùng kỳ; chè chế biến ước đạt 2,8 ngàn tấn, giá trị ước đạt 7,43 triệu USD, bằng 91,21% về lượng và 92,82% về giá trị so với cùng kỳ; rau quả ước đạt 32,1 ngàn tấn, giá trị 76,9 triệu USD, bằng 85,39% về lượng và tăng 33,07 về giá trị so với cùng kỳ; hoa tươi các loại ước đạt 51,5 triệu USD, tăng 9,13% so với cùng kỳ; hàng dệt may và nguyên liệu dệt may ước đạt giá trị 85,5 triệu USD, tăng 13,51% so với cùng kỳ.

## **6.3. Giá cả thị trường**

### **6.3.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)**

Chỉ số giá (CPI) tháng 8/2024 so với tháng 12/2023 tăng 0,69%; so với cùng kỳ năm trước tăng 3,38% và bình quân 8 tháng đầu năm 2024 tăng 3,92% so với cùng kỳ năm trước.





Tháng 8 so với tháng cùng kỳ, các nhóm hàng hóa đều có chỉ số giá tăng từ 0,08% (nhóm bưu chính viễn thông) đến 8,26% (nhóm hàng hóa và dịch vụ khác, nguyên nhân chính do giá bảo hiểm y tế, lệ phí công chứng và các dịch vụ khác tăng. Bình quân 8 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ, có 10/11 nhóm hàng hóa chỉ số giá tăng; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch có mức tăng thấp nhất với 1,23%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng cao nhất 6,95%; riêng nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,16% so với cùng kỳ.

### 6.3.2. Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ

Giá vàng thế giới tăng phi mã do sự suy yếu của đồng USD và niềm tin ngày càng tăng của các nhà đầu tư vào quyết định xoay trục chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED); bên cạnh đó nhu cầu đầu tư tài chính, đặc biệt là từ các quỹ ETF cũng là nguyên nhân kéo giá vàng đi lên. Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giá vàng 9999 bình quân dao động quanh mức 8.280.000 đồng/chỉ, tăng 1,91% so với tháng trước, tăng 28,67% so với tháng cùng kỳ và bình quân 8 tháng đầu năm tăng 21,63% so cùng kỳ.

Đồng bạc xanh trên thế giới giảm mạnh trong bối cảnh thị trường đang chờ đợi dữ liệu lạm phát của Mỹ có thể chỉ ra triển vọng cắt giảm lãi suất của FED trong tháng 9. Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.550 VND/USD, giảm 0,62% so với tháng trước, tăng 5,67% so với tháng cùng kỳ và bình quân 8 tháng đầu năm tăng 5,42% so cùng kỳ.

### 6.4. Hoạt động vận tải

*Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong tháng 8 năm 2024 tiếp tục duy trì ổn định, thông suốt, đáp ứng kịp thời nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân trong và ngoài tỉnh. Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước tháng 8/2024 đạt 588 tỷ đồng, tăng 12,36% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải đường bộ đạt 519,1*

tỷ đồng, tăng 9,78%; doanh thu kho bãi và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 64,4 tỷ đồng, tăng 37,1% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước 8 tháng đầu năm 2024 đạt 4.392,8 tỷ đồng, tăng 9,34% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải đường bộ đạt 3.910,4 tỷ đồng, tăng 9,42%. Cụ thể như sau:

Doanh thu vận tải hành khách tháng 8/2024 ước đạt 208,7 tỷ đồng, tăng 26,08% so với cùng kỳ; khối lượng vận chuyển đạt 1,3 triệu hành khách, tăng 27,57% và luân chuyển đạt 216,9 triệu hành khách.km, tăng 28,56% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu vận tải hành khách 8 tháng đầu năm 2024 ước đạt 1.565,6 tỷ đồng, tăng 20,93%; khối lượng vận chuyển đạt 9,5 triệu hành khách, tăng 19,11% và luân chuyển đạt 1.618,7 triệu hành khách.km, tăng 22,69% so với cùng kỳ.

### Vận tải hành khách 8 tháng năm 2024 phân theo ngành vận tải

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
<b>Tổng số</b>	<b>9,5</b>	<b>1.618,7</b>	<b>+19,11</b>	<b>+22,69</b>
Trong đó: Đường bộ	9,5	1.618,4	+19,43	+22,71

Doanh thu vận tải hàng hoá tháng 8/2024 ước đạt 310,4 tỷ đồng, tăng 0,94% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 0,8 triệu tấn, tăng 8% và luân chuyển đạt 172,7 triệu tấn.km, tăng 4,12% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu vận tải hàng hoá 8 tháng đầu năm 2024 đạt 2.346,1 tỷ đồng, tăng 2,84%; khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 6,3 triệu tấn, tăng 8,12% và luân chuyển đạt 1.304,5 triệu tấn.km, tăng 5,99% so với cùng kỳ.

### Vận tải hàng hóa 8 tháng năm 2024 phân theo ngành vận tải

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
<b>Tổng số</b>	<b>6,3</b>	<b>1.304,5</b>	<b>+8,12</b>	<b>+5,99</b>
Trong đó: Đường bộ	6,3	1.304,5	+8,12	+5,99

## 7. Các vấn đề xã hội

### 7.1. Giáo dục

Trong tháng 8 năm 2024, Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Lâm Đồng đã tổng kết đánh giá kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, cụ thể như sau:

- Trung bình điểm thi tốt nghiệp THPT 2024 của Lâm Đồng là 6,827 điểm, xếp thứ 23/63 tỉnh thành trong cả nước. Toàn tỉnh có 14.993 thí sinh dự thi; trong đó, tổng số thí sinh THPT là 14.277, số thí sinh giáo dục thường xuyên là 687 và số thí sinh tự do 29.

- Tỉnh Lâm Đồng năm học 2023 - 2024 có 14.964/14.929 học sinh đậu tốt nghiệp (không bao gồm thí sinh tự do), đạt tỷ lệ 99,77%. Trong đó, học sinh THPT đạt tỷ lệ 99,99%, học sinh giáo dục thường xuyên đạt 96,94%.

- Có 49/59 đơn vị trường học (cả công lập và dân lập) có tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT 100%; có 4/9 cơ sở trường học giáo dục thường xuyên đạt tỷ lệ 100% học sinh đậu tốt nghiệp.

Bước sang tháng 8/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng đã và đang triển khai các nội dung của ngành và tiến hành kiểm tra, rà soát các cơ sở trường, lớp để chuẩn bị tốt cho khai giảng năm học 2024-2025 cụ thể:

- Các cơ sở giáo dục thực hiện tốt việc vệ sinh khuôn viên, sửa chữa trường, lớp, bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, đảm bảo khuôn viên, cảnh quan môi trường sư phạm an toàn, xanh, sạch, đẹp; treo cờ, khẩu hiệu, băng rôn,... tuyên truyền về việc tổ chức tựu trường và Lễ Khai giảng năm học 2024-2025.

- Các cơ sở giáo dục tăng cường triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông cho học sinh, học viên trong dịp đầu năm học 2024 - 2025; phối hợp với các địa phương tổ chức rà soát, đảm bảo an toàn đối với các phương tiện kinh doanh đưa đón học sinh.

## **7.2. Y tế**

### **\* Tình hình chung tháng 8 năm 2024:**

Trong tháng 8 năm 2024 trên địa bàn tỉnh không phát hiện trường hợp cúm A (H5N1), (H7N9), bạch hầu và bệnh tiêu chảy cấp nguy hiểm, không phát hiện ca bệnh lạ. Không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

### **\* Công tác phòng chữa bệnh tháng 8/2024 như sau:**

- Công tác phòng chống bệnh phong: Không phát hiện bệnh nhân phong mới. Toàn tỉnh quản lý 112 bệnh nhân phong.

- Công tác phòng chống bệnh lao: Khám phát hiện 46 bệnh nhân lao mới, toàn tỉnh quản lý điều trị 296 bệnh nhân lao. Tiếp tục thực hiện các hoạt động phòng chống lao theo quy định.

- Công tác phòng chống bệnh sốt rét: Trong tháng không phát hiện trường hợp mắc sốt rét mới (tích lũy 02 trường hợp). Duy trì thực hiện giám sát côn trùng, dịch tễ tại các đơn vị, thực hiện lấy lam xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét theo quy định.

- Công tác phòng chống bệnh sốt xuất huyết: Trong tháng, khám phát hiện 1.315 trường hợp mắc mới, tăng 557 trường hợp so với cùng kỳ (tích lũy có 4.403 trường hợp sốt xuất huyết, tăng 2.461 trường hợp so với cùng kỳ, trong đó 02 trường hợp tử vong).

- Công tác bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng: Quản lý và điều trị cho 1.153 bệnh nhân tâm thần phân liệt và 1.619 bệnh nhân động kinh.

- Công tác phòng chống HIV/AIDS: Trong tháng phát hiện 11 trường hợp nhiễm HIV mới (tích lũy: 1.886), không có trường hợp chuyển AIDS mới (tích lũy: 289 trường hợp), không có trường hợp tử vong do AIDS (tích lũy: 610 trường hợp).

- Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

**\* Công tác tiêm chủng mở rộng 8 tháng đầu năm 2024:**

Từ đầu năm đến nay đã tiêm chủng đầy đủ cho hơn 10 nghìn trẻ dưới 1 tuổi. Tiêm viêm gan B sơ sinh trước 24h sau sinh cho gần 10 nghìn trẻ. Tiêm vắc xin sởi mũi 2 cho 9.587 trẻ em 18 tháng tuổi. Tiêm bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT) mũi 4 cho 10.139 trẻ. Tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản mũi 3 cho 10.582 trẻ.

**7.3. Hoạt động văn hóa - tuyên truyền**

- Công tác quản lý nhà nước: Trong tháng Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã tổ chức kiểm tra các hoạt động lễ hội, quảng cáo, các giải thể thao và cơ sở lưu trú du lịch.

- Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan và văn hóa: Trong tháng 8/2024, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật thực hiện 1.012,3 m<sup>2</sup> phướn, pano tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị. Phối hợp cùng Đoàn Nghệ nhân Dân tộc K'ho huyện Lâm Hà, tham gia Hội thi Diễn xướng Dân gian Văn hoá các Dân tộc Việt Nam năm 2024 tại tỉnh Quảng Ngãi với chủ đề “Âm vang cao nguyên”. Biên tập, dàn dựng 04 chương trình nghệ thuật phục vụ các nhiệm vụ. Duy trì tổ chức hoạt động Triển lãm kỷ vật Văn hóa Đà Lạt phục vụ nhân dân thành phố Đà Lạt và Du khách phối hợp tổ chức chuyên đề phát huy những giá trị Văn hóa và phong cách người Đà Lạt. Thiết kế Maket và làm việc với đơn vị Xã hội hoá thực hiện công tác tuyên truyền Kỷ niệm 79 năm CMT8 và ngày Quốc khánh nước CHXHCNVN (2/9/1945 - 2/9/2024). Thiết kế các Maket thực hiện công tác trang trí, tuyên truyền Đại hội Đại biểu MTTQVN tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2024-2029; Maket triển khai thực hiện công tác trang trí, tuyên truyền Đại hội Đại biểu Dân tộc Thiểu số tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2024-2029; bộ nhận diện, Maket tuyên truyền và triển khai thay mới Pano tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn Tp. Đà Lạt, kết hợp tuyên truyền Festival Hoa Đà Lạt lần thứ X – Năm 2024.

- Hoạt động bảo tàng, thư viện, Phát hành Phim và Chiếu bóng: Tháng 8/2024 Bảo tàng Lâm Đồng, Di tích quốc gia Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt và Di tích quốc gia đặc biệt Khảo cổ Cát Tiên đã đón 4.265 lượt khách. Thư viện tỉnh đã

cấp 65 thẻ bạn đọc, phục vụ 892 lượt đọc/952 lượt tài liệu luân chuyên. Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng: Trong tháng 8/2024 biên tập 03 tài liệu tuyên truyền xe loa, 92,6m<sup>2</sup> pano tuyên truyền các nhiệm vụ. Phổ biến 02 phim truyện, 03 phim tài liệu, 02 phim hoạt hình. Hoạt động chiếu bóng lưu động thực hiện 51 buổi chiếu tại các huyện trong tỉnh, phục vụ trên 10.000 lượt người tại các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng căn cứ cách mạng.

#### **7.4. Hoạt động thể dục - thể thao**

- *Hoạt động thể dục thể thao*: Trong tháng 8 năm 2024, hoạt động thể dục - thể thao tỉnh Lâm Đồng tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, với phương châm đưa thể dục thể thao về cơ sở nhằm phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp nhằm thu hút nhiều đối tượng thuộc các lứa tuổi tham gia vui chơi lành mạnh góp phần xây dựng đời sống văn hoá mới ở địa phương, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

- *Thể thao thành tích cao*: Đoàn thể thao tỉnh Lâm Đồng đã tham gia giải Vô địch Thể hình cổ điển, nữ Fitness, nữ Bodyfitness và giải Trẻ toàn quốc năm 2024 tại Bà Rịa Vũng Tàu, kết quả đạt được 1 huy chương vàng. Tham gia giải Vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao quốc gia và giải cúp Khiêu vũ thể thao toàn quốc năm 2024 tại Quảng Ninh, kết quả đạt được 12 huy chương (2 Huy chương vàng, 6 Huy chương bạc, 4 Huy chương đồng). Tham gia giải Vô địch Karatedo các lứa tuổi trẻ quốc gia tại Bà Rịa Vũng Tàu, kết quả đạt được 09 Huy chương đồng. Tham gia giải Vô địch KickBoxing trẻ quốc gia năm 2024 tại tỉnh Bình Định, kết quả đạt được 03 huy chương (1 Huy chương bạc, 2 Huy chương đồng). Đăng cai tổ chức giải Vô địch Trẻ và Thiếu niên Vật dân tộc quốc gia lần thứ XXV năm 2024 tại TP. Đà Lạt.

- *Hoạt động phong trào*: Hỗ trợ các ngành tổ chức hội thao gồm: Giải Bóng chuyền tỉnh Lâm Đồng (Nam, Nữ) tại huyện Bảo Lâm từ ngày 06-10/8/2024. Giải Bơi tỉnh Lâm Đồng (Trẻ, Thiếu niên, Nhi đồng) tại TP Đà Lạt từ ngày 12-13/8/2024. Hội thao Liên đoàn Lao động tỉnh Lâm Đồng (Bóng chuyền da nam, Bóng chuyền hơi nữ) từ ngày 18-20/7/2024. Hội thao Khối thi đua Doanh nghiệp nhà nước, Công ty cổ phần có vốn nhà nước ngày 3/8/2024. Hội thao Hội cựu chiến binh ngày 8/8/2024. Hội thao Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh ngày 10/8/2024. Hội thao Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam từ ngày 14-17/8/2024.

#### **7.5. Tình hình môi trường**

- *Vi phạm môi trường*: Trong tháng 8 năm 2024, toàn tỉnh đã phát hiện và xử lý 9 vụ vi phạm môi trường với số tiền xử phạt 1.576 triệu đồng. Lũy kế 8 tháng, tổng số vụ vi phạm đã phát hiện và đã xử lý là 10 vụ với tổng số tiền phạt là 1.896 triệu đồng.

- *Tình hình thiên tai:* Tính từ ngày 23/7/2024 đến 25/8/2024 trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ thiên tai nào. 8 tháng đầu năm xảy ra 04 vụ thiên tai làm 03 người chết, ước tổng thiệt hại 3,7 tỷ đồng.

### **7.6. Tình hình an toàn giao thông**

Tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh từ ngày 15/7/2024 đến ngày 14/8/2024 xảy ra 36 vụ, giảm 4 vụ so với cùng kỳ; số người chết là 14 người, giảm 14 người; số người bị thương là 34, tăng 19 người so cùng kỳ.

Trong tháng đã đăng ký mới cho 612 ô tô và 3.354 mô tô, tổng số phương tiện hiện đang quản lý là 101.087 xe ô tô; 1.287.497 xe mô tô; 103 phương tiện đường thủy. Lực lượng Công an toàn tỉnh phát hiện, xử lý 5.660 trường hợp vi phạm luật giao thông; tổng số tiền xử phạt trên 9,1 tỷ đồng; tước 1.021 giấy phép lái xe; tạm giữ 56 xe ô tô, 758 xe mô tô./.

***Nơi nhận:***

- Tổng cục Thống kê;
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND, TTUBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, HĐND, UBND;
- Các sở, ngành;
- Cục Thống kê các tỉnh;
- Chi cục Thống kê huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Trương Thị Mộng Di**

## 1. Sản xuất nông nghiệp

### (Tiến độ đến ngày 10/8/2024)

	<i>Ha</i>		
	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	% so sánh với cùng kỳ
<b>1. Diện tích gieo trồng vụ Mùa</b>	<b>14.489</b>	<b>14.844</b>	<b>102,45</b>
Lúa Mùa	6.536	6.647	101,70
Các loại cây khác			
<i>Trong đó:</i>			
Sắn	210	181	86,19
Mía	182	156	85,71
<b>2. Tiến độ thu hoạch vụ Hè Thu</b>	<b>24.326,0</b>	<b>24.958,0</b>	<b>102,60</b>
<b><i>Lúa Hè Thu</i></b>			
Diện tích (Ha)	2.718,0	2.850,0	104,86
Năng suất (Tạ/ha)	53,79	54,11	100,59
Sản lượng (Tấn)	14.620,1	15.421,4	105,48
<b><i>Ngô</i></b>			
Diện tích (Ha)	1.876,0	1.785,0	95,15
Năng suất (Tạ/ha)	51,40	51,46	100,12
Sản lượng (Tấn)	9.642,6	9.185,6	95,26
<b><i>Rau các loại</i></b>			
Diện tích (Ha)	14.620,0	15.029,0	102,80
Năng suất (Tạ/ha)	359,23	358,53	99,81
Sản lượng (Tấn)	525.194,3	538.834,7	102,60
<b><i>Đậu các loại</i></b>			
Diện tích (Ha)	601,8	615,0	102,20
Năng suất (Tạ/ha)	12,90	13,00	100,78
Sản lượng (Tấn)	776,2	799,5	103,00
<b><i>Hoa các loại</i></b>			
Diện tích (Ha)	1.840,0	1.895,0	102,99
Sản lượng (Triệu bông/cành)	663,6	695,2	104,76

## 2. Kết quả chăn nuôi

	Đơn vị tính	Đến thời	Đến thời	Thời điểm
		điểm 10/8/2023	điểm 10/8/2024	10/8/2024 so với cùng kỳ
<b>Số lượng trâu</b>	<b>Con</b>	<b>14.263</b>	<b>14.367</b>	<b>100,73</b>
<b>Số lượng bò</b>	<b>Con</b>	<b>101.374</b>	<b>99.641</b>	<b>98,29</b>
<b>Số lượng lợn</b>	<b>Con</b>	<b>433.669</b>	<b>423.000</b>	<b>97,54</b>
<b>Số lượng đàn gia cầm</b>	<b>Nghìn con</b>	<b>5.423,0</b>	<b>6.343,2</b>	<b>116,97</b>
Số lượng gà	Nghìn con	4.884,5	5.686,6	116,42
<b>Sản lượng thịt hơi xuất chuồng</b>				
Thịt trâu	Tấn	705,3	725,5	102,86
Thịt bò	tấn	4.360,0	4.457,6	102,24
Thịt lợn	Tấn	48.216,6	47.376,8	98,26
<b>Sản lượng thịt gia cầm</b>	<b>Tấn</b>	<b>18.991,9</b>	<b>18.594,8</b>	<b>97,91</b>
Trong đó: Thịt gà	Tấn	14.358,1	14.557,2	101,39
<b>Sản lượng sản phẩm chăn nuôi khác</b>				
Trứng gia cầm	Ngàn quả	225.876,3	250.956,7	111,10
Trong đó: Trứng gà	Ngàn quả	219.225,0	233.396,7	106,46
Sản lượng sữa bò	Tấn	76.390,6	80.966,0	105,99

## 3. Tình hình sản xuất lâm nghiệp

	Đơn vị tính	Ước thực	Ước	Tháng 8	8 tháng
		hiện tháng 8 năm 2024	thực hiện 8 tháng năm 2024	năm 2024 so với cùng kỳ (%)	năm 2024 so với cùng kỳ (%)
<b>1. Diện tích rừng trồng được giao khoán, bảo vệ</b>	<b>Ha</b>		<b>456.397,2</b>		<b>113,80</b>
<b>2. Sản phẩm lâm nghiệp chủ yếu</b>					
Sản lượng gỗ tròn khai thác	m <sup>3</sup>	4.500,0	32.434,1	101,93	101,92
Củi thước	Ster	2.985,0	44.997,7	99,24	98,55
<b>3. Tình hình vi phạm lâm luật (Tính từ ngày 10/01/2024 đến ngày 10/8/2024)</b>					
Số vụ cháy rừng, thảm cỏ rừng từ đầu mùa khô	Vụ	-	20	-	80,00
Diện tích rừng, thảm cỏ rừng bị cháy	Ha	-	26,91	-	47,80
Tổng số vụ vi phạm lâm luật	Vụ	16	106	100,00	69,74
Diện tích rừng bị phá	Ha	3,56	9,69	66,17	74,25
Tổng số vụ vi phạm đã xử lý	Vụ	17	96	80,95	80,67
Thu nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,09	0,98	126,76	70,00



#### 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	%			
	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ	Tháng 8/2024		8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ
	So với tháng trước	So với cùng kỳ		
<b>Tổng số</b>	<b>103,09</b>	<b>108,82</b>	<b>100,86</b>	<b>101,69</b>
<b>1. Khai khoáng</b>	<b>92,40</b>	<b>94,70</b>	<b>75,35</b>	<b>88,86</b>
Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	92,35	94,64	75,19	88,70
<b>2. Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>107,39</b>	<b>98,63</b>	<b>107,23</b>	<b>108,54</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	120,14	98,04	113,48	118,67
Sản xuất đồ uống	113,35	105,04	111,69	110,74
Dệt	98,96	100,72	105,81	111,68
Sản xuất trang phục	103,00	101,34	105,93	104,95
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tẻ bện	103,33	109,66	105,80	85,33
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	100,53	107,10	90,56	118,61
In, sao chép bản ghi các loại	54,96	114,61	62,02	84,61
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	160,07	82,98	130,12	125,94
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	248,68	91,69	276,14	176,51
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	133,30	95,49	111,30	121,58
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	109,32	92,94	102,02	100,71
Sản xuất kim loại	103,12	100,20	103,57	104,37
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	83,17	106,13	104,69	100,60
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	139,87	36,43	54,20	89,30
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	98,05	105,84	103,63	100,82
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	95,85	102,43	95,90	91,46
<b>3. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí</b>	<b>99,10</b>	<b>121,88</b>	<b>96,57</b>	<b>94,32</b>
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,04	122,57	96,13	94,27
<b>4. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>101,91</b>	<b>104,38</b>	<b>104,87</b>	<b>104,24</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	101,49	103,98	103,93	103,73
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	103,42	105,81	108,28	106,14

## 5. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước thực hiện tháng 8 năm 2024	Ước thực hiện 8 tháng năm 2024	Tháng 8 năm 2024 so với cùng kỳ (%)	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ (%)
Đá xây dựng khác	M <sup>3</sup>	601.192	332.203	1.618.490	89,19	76,66
Cao lanh và đất sét cao lanh khác	Tấn	24.129	27.761	202.792	54,41	103,06
Rau ướp lạnh	Tấn	3.395	1.025	13.157	78,54	108,54
Quả và hạt ướp lạnh	Tấn	5.179	1.162	14.437	141,19	191,28
Chè (trà) nguyên chất (như: chè (trà) xanh, chè (trà) đen)	Tấn	1.486	1.640	11.948	126,54	113,04
Rượu vang từ quả tươi	1000 lít	204	200	980	132,28	113,69
Bia đóng lon	1000 lít	11.278	12.100	86.318	110,50	112,58
Tơ thô (chưa kéo)	Tấn	35	17	406	98,86	108,46
Sợi xe từ sợi tơ tằm	Tấn	215	50	888	99,41	118,64
Sợi xe từ lông động vật	Tấn	189	160	1.484	110,15	117,01
Vải dệt thoi từ sợi tơ tằm	1000 m <sup>2</sup>	500	333	2.117	102,65	103,28
Quần áo bảo hộ lao động	1000 cái	46	45	398	104,65	129,22
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	328	320	2.509	104,58	95,06
Gỗ cưa hoặc xẻ (trừ gỗ xẻ tà vẹt)	M <sup>3</sup>	1.525	1.750	15.108	101,59	75,60
Phân khoáng hoặc phân hoá học chứa 3 nguyên tố: nitơ, photpho và kali (NPK)	Tấn	21.180	27.554	86.888	130,12	125,94
Thuốc chứa pênixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên	Triệu viên	4	4	17	181,82	167,33
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	6.149	5.500	40.251	352,11	178,87
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	56.388	47.580	309.362	107,22	95,30
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M <sup>3</sup>	66.277	58.161	435.486	96,63	97,45
Oxit nhôm, trừ nhân tạo	Tấn	67.862	68.000	522.035	103,57	104,37
Điện sản xuất của các nhà máy trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Triệu KWh	812	760	4.782	95,37	92,87
Trong đó: điện sản xuất phân bố cho tỉnh Lâm Đồng	Triệu KWh	528	483	3.005	95,39	92,86
Điện thương phẩm	Triệu KWh	162	165	1.358	110,47	111,76
Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	3.112	3.236	25.264	103,93	103,73
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng	5.657	5.985	44.307	108,28	106,14

## 6. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp ngành công nghiệp

	%		
	Tháng 8/2024 so với tháng 7/2024	Tháng 8 năm 2024 so với cùng kỳ	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>99,76</b>	<b>101,78</b>	<b>101,86</b>
<b><i>Chia theo ngành cấp I</i></b>			
Khai khoáng	100,60	80,09	73,86
Công nghiệp chế biến, chế tạo	100,54	99,97	98,14
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	96,74	111,78	122,49
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	100,00	102,92	101,83
<b><i>Chia theo ngành cấp II</i></b>			
Khai khoáng khác	100,60	80,09	73,86
Sản xuất chế biến thực phẩm	103,09	95,21	95,74
Sản xuất đồ uống	100,00	105,13	100,63
Dệt	100,32	100,64	98,37
Sản xuất trang phục	100,00	105,52	97,94
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	100,00	94,76	96,81
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	100,00	94,74	96,03
In, sao chép bản ghi các loại	103,13	103,13	98,07
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	96,39	95,24	102,95
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	100,31	100,63	95,72
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	100,00	93,41	99,37
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	99,74	99,23	97,45
Sản xuất kim loại	100,81	100,91	99,99
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	96,55	100,00	97,73
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	102,25	103,41	114,10
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	100,00	90,48	75,51
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	96,74	111,78	122,49
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100,00	102,65	100,96
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	100,00	103,28	103,02
<b><i>Chia theo loại hình</i></b>			
Doanh nghiệp nhà nước	100,03	101,22	100,77
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	99,49	102,44	105,03
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	99,88	101,29	96,75

## 7. Vốn đầu tư thực hiện thuộc ngân sách do địa phương quản lý tháng 8 năm 2024

	<i>Triệu đồng; %</i>					
	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8 năm 2024 so với cùng kỳ	Cộng dồn 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>6.940.487</b>	<b>673.227</b>	<b>675.278</b>	<b>3.652.462</b>	<b>100,29</b>	<b>117,79</b>
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>5.949.959</b>	<b>574.196</b>	<b>583.508</b>	<b>3.144.037</b>	<b>100,31</b>	<b>117,47</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	2.253.885	236.913	272.967	1.541.006	100,74	113,17
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	1.669.574	124.543	104.426	568.325	100,31	131,00
Vốn nước ngoài (ODA)	126.500	-	-	-	-	-
Xổ số kiến thiết	1.900.000	208.835	202.089	1.012.794	101,03	119,62
Vốn khác	-	3.905	4.026	21.912	61,01	63,08
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>990.528</b>	<b>99.031</b>	<b>91.770</b>	<b>508.425</b>	<b>100,14</b>	<b>119,81</b>
Vốn cân đối ngân sách huyện	990.528	77.433	66.286	394.947	106,15	122,28
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	19.103	23.080	95.445	100,79	129,80
Vốn khác	-	2.495	2.404	18.033	38,18	64,83
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-	-

## 8. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

CHỈ TIÊU	Triệu đồng; %						
	Dự toán		Ước thực hiện		8 tháng năm 2024 so với (%)		
	Trung ương	Địa phương	Tháng 8 năm 2024	8 tháng năm 2024	Dự toán Trung ương	Dự toán địa phương	Cùng kỳ
<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>13.092.000</b>	<b>14.150.000</b>	<b>914.006</b>	<b>8.954.613</b>	<b>68,40</b>	<b>63,28</b>	<b>106,33</b>
<b>A. Thu nội địa</b>	<b>12.792.000</b>	<b>13.800.000</b>	<b>893.572</b>	<b>8.787.916</b>	<b>68,70</b>	<b>63,68</b>	<b>107,02</b>
<b>1. Thu thuế, phí, lệ phí</b>	<b>7.207.000</b>	<b>8.000.000</b>	<b>659.428</b>	<b>5.057.030</b>	<b>70,17</b>	<b>63,21</b>	<b>94,29</b>
Thu từ DNNN trung ương	960.000	1.127.000	128.132	641.328	66,81	56,91	82,17
Thu từ DNNN địa phương	85.000	95.000	20.769	72.710	85,54	76,54	97,56
Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	100.000	100.000	21.479	93.746	93,75	93,75	104,9
Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	3.240.000	3.517.700	272.309	2.300.510	71,00	65,40	91,48
Thuế thu nhập cá nhân	1.416.000	1.620.000	108.597	987.381	69,73	60,95	105,46
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	32.000	39.300	1.713	30.454	95,17	77,49	98,82
Lệ phí trước bạ	560.000	730.000	53.175	403.580	72,07	55,28	103,55
Phí, lệ phí	320.000	317.000	22.723	200.192	62,56	63,15	87,64
Thuế bảo vệ môi trường	494.000	454.000	<b>30.530</b>	<b>327.130</b>	<b>66,22</b>	<b>72,06</b>	<b>102,55</b>
<b>2. Thu từ đất và nhà</b>	<b>3.130.000</b>	<b>3.300.000</b>	<b>115.713</b>	<b>1.562.099</b>	<b>49,91</b>	<b>47,34</b>	<b>151,98</b>
Thu tiền sử dụng đất	2.750.000	2.900.000	<b>104.048</b>	<b>1.287.826</b>	<b>46,83</b>	<b>44,41</b>	<b>171,77</b>
Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước	50.000	65.000	5.198	45.160	90,32	69,48	102,11
Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	330.000	335.000	6.467	229.113	69,43	68,39	97,97
<b>3. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</b>	<b>110.000</b>	<b>117.000</b>	<b>351</b>	<b>66.510</b>	<b>60,46</b>	<b>56,85</b>	<b>91,75</b>
<b>4. Thu khác ngân sách</b>	<b>455.000</b>	<b>483.000</b>	<b>4.736</b>	<b>270.318</b>	<b>59,41</b>	<b>55,97</b>	<b>88,14</b>
<b>5. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết</b>	<b>1.890.000</b>	<b>1.900.000</b>	<b>113.343</b>	<b>1.831.959</b>	<b>96,93</b>	<b>96,42</b>	<b>127,12</b>
<b>B. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>300.000</b>	<b>350.000</b>	<b>20.434</b>	<b>166.697</b>	<b>55,57</b>	<b>47,63</b>	<b>79,49</b>
<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>17.626.175</b>	<b>19.456.802</b>	<b>1.233.669</b>	<b>20.695.964</b>	<b>117,42</b>	<b>106,37</b>	<b>102,81</b>
Trong đó:							
Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	12.363.610	13.389.000	851.911	8.436.400	68,24	63,01	106,99
Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	4.747.201	4.747.201	380.000	3.040.536	64,05	64,05	88,39

Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng

## 9. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

	<i>Triệu đồng; %</i>						
	Dự toán		Ước thực hiện		8 tháng năm 2024 so với (%)		
	Trung ương	Địa phương	Tháng 8 năm 2024	8 tháng năm 2024	Dự toán Trung ương	Dự toán địa phương	Cùng kỳ
<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>17.640.675</b>	<b>19.471.302</b>	<b>1.233.639</b>	<b>10.170.977</b>	<b>57,66</b>	<b>52,24</b>	<b>92,89</b>
<b>A. Các khoản thu cân đối ngân sách</b>	<b>15.562.903</b>	<b>17.393.530</b>	<b>1.073.000</b>	<b>7.502.281</b>	<b>48,21</b>	<b>43,13</b>	<b>102,14</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>5.324.843</b>	<b>5.481.651</b>	<b>223.000</b>	<b>1.591.015</b>	<b>29,88</b>	<b>29,02</b>	<b>72,37</b>
Vốn đầu tư thực hiện các công trình XDCB	5.310.343	5.215.343	215.000	1.413.899	26,63	27,11	67,67
Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	14.500	14.500	-	-	-	-	-
Vốn đầu tư phát triển khác		251.808	8.000	177.116	-	70,34	166,52
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>9.924.492</b>	<b>11.076.835</b>	<b>850.000</b>	<b>5.911.266</b>	<b>59,56</b>	<b>53,37</b>	<b>114,87</b>
<i>Trong đó:</i>							
Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.353.039	4.528.360	450.000	2.716.086	62,40	59,98	118,54
Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.631	32.631	5.000	20.991	64,33	64,33	153,58
<b>III. Dự phòng ngân sách</b>	<b>310.968</b>	<b>351.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Chi trả lãi vay</b>	<b>1.300</b>	<b>1.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>		<b>480.544</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.300</b>	<b>1.300</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>2.077.772</b>	<b>2.077.772</b>	<b>160.000</b>	<b>618.163</b>	<b>29,75</b>	<b>29,75</b>	<b>127,98</b>
Vốn đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.498.720	1.498.720	130.000	328.235	21,90	21,90	140,91
Vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	91.493	91.493	-	91.493	100,00	100,00	125,54
Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia	487.559	487.559	30.000	198.435	40,70	40,70	111,97

*Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng*

## 10. Hoạt động ngân hàng

Tỷ đồng; %

	Thực hiện đến 31/12/2023	Thực hiện đến 31/7/2024	Ước thực hiện đến 31/8/2024	Thực hiện đến 31/8/2024 so với cùng kỳ	Thực hiện đến 31/8/2024 so với 31/12/ 2023
<b>NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG</b>	<b>100.375</b>	<b>106.356</b>	<b>107.000</b>	<b>112,77</b>	<b>106,60</b>
<b>Tiền gửi</b>	<b>98.822</b>	<b>103.924</b>	<b>104.500</b>	<b>112,45</b>	<b>105,75</b>
<i>Theo loại tiền tệ</i>					
<i>Đồng Việt Nam</i>	97.927	102.933	103.500	112,44	105,69
<i>Ngoại tệ</i>	895	991	1000	113,64	111,73
<i>Theo cơ cấu tiền gửi</i>					
<i>Tiền gửi tiết kiệm</i>	66.516	70.586	71.000	106,77	106,74
<i>Tiền gửi thanh toán và ký quỹ</i>	32.306	33.338	33.500	126,74	103,70
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>1.553</b>	<b>2.432</b>	<b>2.500</b>	<b>128,21</b>	<b>160,98</b>
<i>Trong đó: Đồng Việt Nam</i>	1.553	2.432	2.500	128,21	160,98
<b>TỔNG DƯ NỢ</b>	<b>176.475</b>	<b>179.280</b>	<b>180.000</b>	<b>108,30</b>	<b>102,00</b>
<b>Phân theo kỳ hạn</b>					
Dư nợ ngắn hạn	134.177	138.285	138.800	110,68	103,45
Dư nợ trung và dài hạn	42.298	40.995	41.200	100,98	97,40
<b>Phân theo nội ngoại tệ</b>					
Dư nợ bằng VND	176.195	179.142	179.865	108,35	102,08
Dư nợ bằng Ngoại tệ	280	138	135	67,50	48,21
<b>Nợ xấu</b>	<b>897</b>	<b>1.417</b>	<b>1.420</b>	<b>117,45</b>	<b>158,31</b>
<i>Tỷ lệ trong tổng dư nợ (%)</i>	0,51	0,79	0,79		
<b>* Dư nợ cho vay các chương trình tín dụng</b>					
Cho vay nông nghiệp, nông thôn	126.474	129.370	130.000	110,17	102,79
Cho vay hỗ trợ DN nhỏ và vừa	16.470	15.929	16.100	104,55	97,75
Cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao	560	400	410	107,89	73,21

(Nguồn: Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lâm Đồng)

## 11. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ

	<i>Tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	(% ) so sánh	
				tháng 7	tháng 8
năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024 so	2024 so với
				với cùng kỳ	cùng kỳ
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>7.685,5</b>	<b>7.784,5</b>	<b>57.311,4</b>	<b>125,57</b>	<b>118,64</b>
<i>Phân theo ngành hoạt động</i>					
Doanh thu bán lẻ	5.322,2	5.543,5	39.965,7	133,05	122,56
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.503,0	1.364,7	10.449,3	110,43	114,67
Du lịch lữ hành	8,3	7,1	50,0	110,26	111,49
Dịch vụ khác	852,0	869,2	6.846,4	109,96	104,67

## 12. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

	<i>Tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	(% ) so sánh	
				tháng 7	tháng 8
năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024 so	năm 2024 so với
				với cùng kỳ	cùng kỳ
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.322,2</b>	<b>5.543,5</b>	<b>39.965,7</b>	<b>133,05</b>	<b>122,56</b>
<i>Phân theo nhóm hàng</i>					
Lương thực, thực phẩm	2.272,1	2.414,1	16.594,7	152,47	136,21
Hàng may mặc	240,8	258,6	2.027,0	120,21	115,80
Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	674,2	651,2	5.242,2	110,41	113,12
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	52,5	57,5	383,3	130,90	121,36
Gỗ và vật liệu xây dựng	963,2	1.025,5	6.504,7	167,08	138,77
Ô tô các loại	220,4	231,5	1.580,2	97,88	81,78
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	100,4	99,0	845,1	79,91	86,80
Xăng, dầu các loại	390,3	390,6	3.332,3	98,85	103,06
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	55,5	56,7	451,0	115,52	114,38
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	104,7	105,4	1.026,3	108,88	129,48
Hàng hóa khác	98,1	97,6	811,8	103,62	111,34
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	150,0	155,8	1.167,1	124,67	118,73



### 13. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	(%) so sánh	
	tháng 7	tháng 8	8 tháng	Tháng 8	8 tháng
	năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024
				so với	so với
				cùng kỳ	cùng kỳ
<i>Tỷ đồng, %</i>					
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.363,3</b>	<b>2.241,0</b>	<b>17.345,7</b>	<b>110,25</b>	<b>110,50</b>
<b>Phân theo nhóm ngành hàng</b>					
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>1.503,0</b>	<b>1.364,7</b>	<b>10.449,3</b>	<b>110,43</b>	<b>114,67</b>
Dịch vụ lưu trú	316,6	243,2	1.947,9	119,63	117,36
Dịch vụ ăn uống	1.186,4	1.121,5	8.501,4	108,62	114,07
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>8,3</b>	<b>7,1</b>	<b>50,0</b>	<b>110,26</b>	<b>111,49</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>852,0</b>	<b>869,2</b>	<b>6.846,4</b>	<b>109,96</b>	<b>104,67</b>
Dịch vụ kinh doanh bất động sản	129,1	130,7	995,1	109,28	105,05
Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ	48,3	47,9	370,8	105,17	106,81
Dịch vụ giáo dục và đào tạo	20,0	21,0	150,7	120,14	110,70
Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	63,8	64,0	473,0	113,89	108,25
Dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí	464,6	479,5	3.897,7	108,71	102,56
Dịch vụ sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	22,5	22,7	165,6	118,38	111,02
Dịch vụ khác	103,7	103,4	793,5	113,10	109,66
<i>Lượt khách, ngày khách, %</i>					
<b>Hoạt động dịch vụ lưu trú</b>					
Lượt khách phục vụ - lượt khách	762.350	605.315	4.784.547	114,78	113,79
- Lượt khách ngủ qua đêm	752.048	595.734	4.707.600	114,92	113,93
Khách quốc tế	63.763	66.951	421.616	115,01	112,24
Khách trong nước	688.285	528.783	4.285.984	114,91	114,10
- Lượt khách trong ngày	10.302	9.581	76.947	106,49	105,89
Ngày khách phục vụ - ngày khách	1.325.142	1.053.985	8.323.891	114,18	113,47
<b>Hoạt động du lịch lữ hành</b>					
Lượt khách du lịch theo tour - lượt khách	5.857	4.978	35.006	110,68	111,16
Ngày khách du lịch theo tour - ngày khách	11.882	10.100	70.936	111,39	111,73

## 14. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 8 năm 2024

	Tháng 8 năm 2024 so với (%):				Bình quân 8 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2019	Tháng 8 năm 2023	Tháng 12 năm 2023	Tháng 7 năm 2024	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>	<b>116,00</b>	<b>103,38</b>	<b>100,69</b>	<b>100,03</b>	<b>103,92</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	127,11	105,09	103,42	100,31	106,37
<i>Trong đó:</i> Lương thực	142,47	110,71	100,99	100,44	116,51
Thực phẩm	120,61	102,27	103,78	100,37	101,94
Ăn uống ngoài gia đình	137,04	109,90	104,25	100,02	113,17
Đồ uống và thuốc lá	112,05	101,64	101,53	100,40	101,55
May mặc, mũ nón và giày dép	110,14	101,85	101,64	100,28	101,53
Nhà ở và vật liệu xây dựng	113,14	103,31	101,41	100,17	102,95
Thiết bị và đồ dùng gia đình	110,97	100,79	100,21	100,14	101,37
Thuốc và dịch vụ y tế	110,45	106,92	106,81	99,97	102,68
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	110,44	108,55	108,55	100,00	103,12
Giao thông	110,84	102,23	102,25	98,54	105,89
Bưu chính viễn thông	98,05	100,08	100,08	100,00	99,84
Giáo dục	112,79	100,49	79,29	100,00	101,42
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	112,19	100,38	77,06	100,00	101,14
Văn hoá, giải trí và du lịch	106,55	100,56	100,71	100,15	101,23
Hàng hóa và dịch vụ khác	120,77	108,26	107,67	100,14	106,95
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>214,13</b>	<b>128,67</b>	<b>120,00</b>	<b>101,91</b>	<b>121,63</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>108,72</b>	<b>105,67</b>	<b>103,67</b>	<b>99,38</b>	<b>105,42</b>

**15. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải***Tỷ đồng; %*

	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	(% ) so sánh	
	tháng 7 năm 2024	tháng 8 năm 2024	8 tháng năm 2024	Tháng 8 năm 2024 so với cùng kỳ	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>582,4</b>	<b>588,0</b>	<b>4.392,8</b>	<b>112,36</b>	<b>109,34</b>
Trong đó:					
Đường bộ	515,2	519,1	3.910,4	109,78	109,42
Đường sắt					
Đường thủy	0,0	0,0	1,3	0,00	61,28
Đường hàng không					
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	62,9	64,4	445,3	137,10	107,95
Dịch vụ bưu chính, chuyển phát	4,3	4,5	35,8	135,58	122,61
Vận tải hành khách	206,1	208,7	1.565,6	126,08	120,93
Đường bộ	206,1	208,7	1.564,3	126,23	121,03
Đường sắt					
Đường thủy	0,0	0,0	1,3	0,00	61,28
Đường hàng không					
Vận tải hàng hóa	309,1	310,4	2.346,1	100,94	102,84
Đường bộ	309,1	310,4	2.346,1	100,94	102,84
Đường sắt					
Đường thủy					
Đường hàng không					
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	62,9	64,4	445,3	137,10	107,95
Bốc xếp					
Kho bãi	62,9	64,4	445,3	137,10	107,95
Hoạt động khác					
Dịch vụ bưu chính, chuyển phát	4,3	4,5	35,8	135,58	122,61

## 16. Vận tải hành khách và hàng hoá

	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	(% so sánh)	
				Tháng 8 năm 2024 so với cùng kỳ	8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Triệu HK)</b>	<b>1,4</b>	<b>1,3</b>	<b>9,5</b>	<b>127,57</b>	<b>119,11</b>
Đường bộ	1,4	1,3	9,5	128,07	119,43
Đường sắt					
Đường thủy <sup>(*)</sup>	-	-	...	-	61,32
Hàng không					
<b>II. Luân chuyển (Triệu HK.km)</b>	<b>211,3</b>	<b>216,9</b>	<b>1.618,7</b>	<b>128,56</b>	<b>122,69</b>
Đường bộ	211,3	216,9	1.618,4	128,59	122,71
Đường sắt					
Đường thủy	0,0	0,0	0,3	0,00	61,29
Hàng không					
<b>B. HÀNG HÓA</b>					
<b>I. Vận chuyển (Triệu tấn)</b>	<b>0,8</b>	<b>0,8</b>	<b>6,3</b>	<b>108,00</b>	<b>108,12</b>
Đường bộ	0,8	0,8	6,3	108,00	108,12
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					
<b>II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)</b>	<b>171,4</b>	<b>172,7</b>	<b>1.304,5</b>	<b>104,12</b>	<b>105,99</b>
Đường bộ	171,4	172,7	1.304,5	104,12	105,99
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					

(\*) Vận chuyển hành khách đường thủy trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ tháng 07/2024 tạm ngừng hoạt động.

## 17. Một số chỉ tiêu văn hóa, xã hội

	ĐVT	Tháng 8 năm 2024	% so sánh cùng kỳ
<b>1 - Tình hình y tế</b>			
- Bệnh sốt rét	Trường hợp	-	-
- Bệnh sốt xuất huyết tích lũy	"	4.403	226,73
- Bệnh phong hiện có	"	112	90,32
- Bệnh lao hiện đang quản lý điều trị	"	292	79,13
- Nhiễm HIV mới	"	11	183,33
Nhiễm HIV tích lũy	"	1.886	104,37
- Nhiễm AIDS mới	"	-	-
Nhiễm AIDS tích lũy	"	289	100,00
- Tử vong do AIDS mới	"	-	-
Tử vong do AIDS tích lũy	"	610	100,33
<b>2- Hoạt động văn hoá</b>			
- Khách tham quan bảo tàng tỉnh, di tích quốc gia (Nhà lao thiếu nhi, di tích khảo cổ Cát Tiên)	Lượt khách	4.265	89,15
- Lượt bạn đọc tại thư viện tỉnh	"	892	100,45

## 18. Trật tự, an toàn xã hội

		Thực hiện	Cộng dồn	Tháng 8	8 tháng
	Đơn vị	tháng 8	8 tháng	năm 2024	năm 2024
	tính	năm	năm	so với	so với
		2024	2024	cùng kỳ	cùng kỳ
<b>Tai nạn giao thông</b>					
<b>Tổng số vụ tai nạn giao thông</b>	<b>Vụ</b>	<b>36</b>	<b>336</b>	<b>90,00</b>	<b>104,35</b>
Đường bộ	"	36	336	90,00	104,35
Đường sắt	"	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-
<b>Số người chết</b>	<b>Người</b>	<b>14</b>	<b>138</b>	<b>50,00</b>	<b>68,32</b>
Đường bộ	"	14	138	50,00	68,32
Đường sắt	"	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-
<b>Số người bị thương</b>	<b>Người</b>	<b>34</b>	<b>287</b>	<b>226,67</b>	<b>190,07</b>
Đường bộ	"	34	287	226,67	190,07
Đường sắt	"	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ  
CỤC THỐNG KÊ TỈNH LÂM ĐỒNG**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU  
ƯỚC THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG NĂM 2024  
TỈNH LÂM ĐỒNG**



**Lâm Đồng, 8/2024**

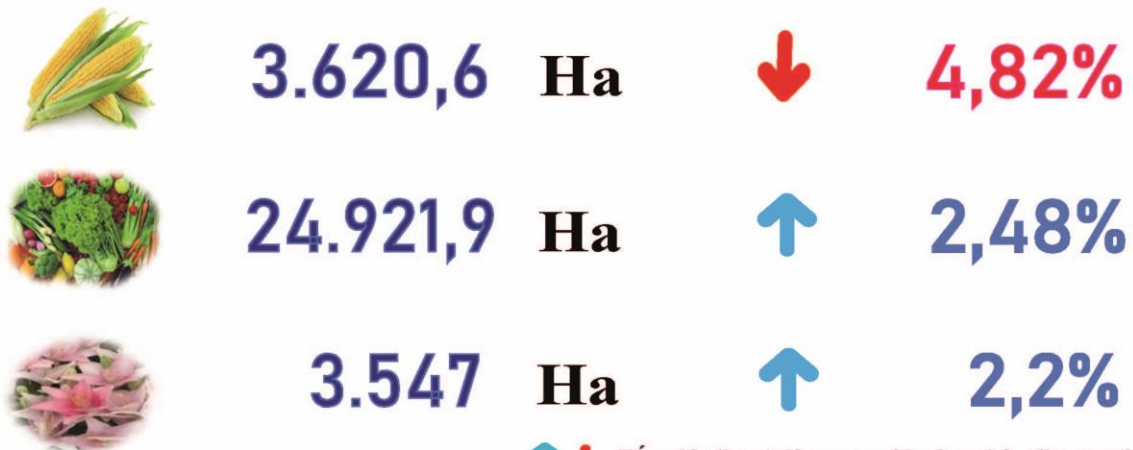
# SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

(Vụ Hè Thu năm 2024)

Diện tích lúa gieo trồng vụ Hè Thu (10/8/2024)



Diện tích gieo trồng một số cây ngô, rau, hoa



↑ ↓ Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước

Lâm nghiệp, vi phạm lâm luật  
(8 tháng năm 2024)

**456,4** Nghìn ha  
Giao khoán  
quản lý bảo vệ rừng

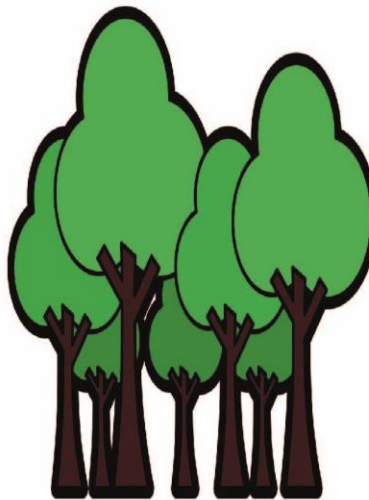
↑ 13,8%

**32.434,1** m<sup>3</sup>  
Sản lượng gỗ khai thác

↑ 1,92%

**44.997,7** ster  
Sản lượng củi khai thác

↓ 1,45%



Vi phạm  
luật lâm nghiệp

**106** vụ ↓ 30,26%

Diện tích thiệt hại  
**9,69** ha

↓ 25,75%

Thu nộp ngân sách  
**0,98** tỷ đồng



## CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (Tháng 8 và 8 tháng năm 2024)

↑ 0,86% IIP THÁNG 8/2024  
SO VỚI CÙNG KỲ



↑ 1,69% IIP 8 THÁNG NĂM 2024  
SO VỚI CÙNG KỲ

Công nghiệp khai khoáng  
↓ 24,65%



Công nghiệp khai khoáng  
↓ 11,14%



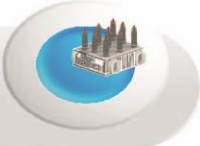
Công nghiệp chế biến, chế tạo  
↑ 7,23%



Công nghiệp chế biến, chế tạo  
↑ 8,54%



Sản xuất và phân phối điện  
↓ 3,43%



Sản xuất và phân phối điện  
↓ 5,68%



Cung cấp nước, hoạt động  
quản lý và xử lý nước thải, rác thải  
↑ 4,87%



Cung cấp nước, hoạt động  
quản lý và xử lý nước thải, rác thải  
↑ 4,24%



## TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP (Tháng 8 và 8 tháng năm 2024)

Tháng 8

104 DN

↓ 9,6%



DN đăng ký thành lập mới

48 DN

↑ 41,2%



DN tạm ngưng hoạt động

32 DN

↑ 3,2%



DN giải thể

22 DN

↑ 29,4%



DN quay trở lại hoạt động

8 tháng

832 DN

↓ 9,5%

693 DN

↑ 30,3%

172 DN

↑ 5,5%

281 DN

↑ 13,3%

↑ ↓ Tốc độ tăng, giảm so với cùng kỳ

## VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN THUỘC NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ THÁNG 8 NĂM 2024

▲▼ Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2023



**THÁNG 8 NĂM 2024**

**675,3 tỷ đồng**

▲ 0,29 %



**583,5  
tỷ đồng**

Vốn ngân sách Nhà  
nước cấp tỉnh

▲ 0,31 %

**91,8  
tỷ đồng**

Vốn ngân sách Nhà  
nước cấp huyện

▲ 0,14 %

## VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN THUỘC NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ 8 THÁNG NĂM 2024

▲▼ Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2023



**8 THÁNG NĂM 2024**

**3.652,5 tỷ đồng**

▲ 17,79 %



**3.144  
tỷ đồng**

Vốn ngân sách Nhà  
nước cấp tỉnh

▲ 17,47 %

**508,5  
tỷ đồng**

Vốn ngân sách Nhà  
nước cấp huyện

▲ 19,81 %

## THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (8 tháng năm 2024)



**Tổng chi**  
**10.171** Tỷ đồng  
↓ **7,11%**

Trong đó:

Chi đầu tư  
phát triển **1.591**  
tỷ đồng  
↓ **27,63%**

Chi  
thường xuyên **5.911,3**  
tỷ đồng  
↑ **14,87%**

**Tổng thu**  
**8.954,6**  
Tỷ đồng  
↑ **6,33%**

Trong đó:

Thu  
nội địa **8.787,9**  
tỷ đồng  
↑ **7,02%**

Thu từ  
hoạt động  
xuất,  
nhập khẩu **166,7**  
tỷ đồng  
↓ **20,51%**

## TÍN DỤNG NGÂN HÀNG TÍNH ĐẾN 31/8/2024 (So với thời điểm 31/12/2023)



Hoạt động tín dụng  
ngân hàng

**Huy  
động vốn** **107.000**  
Tỷ đồng  
▲ **6,6%**

**Tổng  
dư nợ** **180.000**  
Tỷ đồng  
▲ **2%**

↑↓ Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước

## THƯƠNG MẠI

(Tháng 8 và 8 tháng năm 2024)

Tháng 8

8 tháng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

7.784,5 tỷ đồng

↑ 25,57%



57.311,4 tỷ đồng

↑ 18,64%

Tổng mức bán lẻ hàng hóa

5.543,5 tỷ đồng

↑ 33,05%



39.965,7 tỷ đồng

↑ 22,56%

Lưu trú

243,2 tỷ đồng

↑ 19,63%



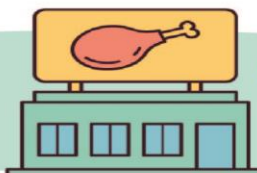
1.947,9 tỷ đồng

↑ 17,36%

Ăn uống

1.121,5 tỷ đồng

↑ 8,62%



8.501,4 tỷ đồng

↑ 14,07%

Dịch vụ khác

869,2 tỷ đồng

↑ 9,96%



6.846,4 tỷ đồng

↑ 4,67%

↑ ↓ Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước



## CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)

(Tháng 8 và 8 tháng năm 2024)



**100,03%**

Tháng 8/2024  
so với tháng 7/2024

**103,38%**

Tháng 8/2024  
so với tháng 8/2023

**103,92%**

Bình quân 8 tháng năm 2024  
so với cùng kỳ

## CHỈ SỐ GIÁ VÀNG & ĐÔ LA MỸ

(Tháng 8 và 8 tháng năm 2024)

### CHỈ SỐ GIÁ VÀNG

**101,91%**

Tháng 8/2024 so  
với tháng 7/2024

**128,67%**

Tháng 8/2024 so  
với tháng 8/2023

**121,63%**

Bình quân 8 tháng  
năm 2024 so với  
cùng kỳ

### CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ

**99,38%**

Tháng 8/2024 so  
với tháng 7/2024

**105,67%**

Tháng 8/2024 so  
với tháng 8/2023

**105,42%**

Bình quân 8 tháng  
năm 2024 so với  
cùng kỳ



# MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

(Tháng 8 năm 2024)

## HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA



**Tham quan Bảo tàng,  
Di tích nhà lao thiếu nhi,  
Di tích khảo cổ Cát Tiên**  
**4.265 lượt khách**



**Thư viện tỉnh**  
**892 lượt bạn đọc**

## TAI NẠN GIAO THÔNG (Tính từ 15/7/2024 đến 14/8/2024)



**36 Vụ tai nạn**



**34 Người bị thương**



**14 Người chết**